

CÔNG TY TNHH GIA HOÀNG KHANG



**BÁO CÁO TÓM TẮT
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**

**DỰ ÁN
NHÀ MÁY SẢN XUẤT CHẾ TÁC ĐÁ TỰ NHIÊN**

**ĐỊA ĐIỂM
THUỘC LÔ ĐẤT C6 VÀ C8, ĐỒ ÁN QUY HOẠCH PHÂN KHU
MỞ RỘNG KHU CÔNG NGHIỆP TÂY BẮC QUÁN HÀU,
XÃ VĨNH NINH, HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH**

Quảng Bình, tháng 9 năm 2022

CÔNG TY TNHH GIA HOÀNG KHANG



BÁO CÁO TÓM TẮT ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

DỰ ÁN
NHÀ MÁY SẢN XUẤT CHÉ TÁC ĐÁ TỰ NHIÊN

ĐỊA ĐIỂM
THUỘC LÔ ĐẤT C6 VÀ C8, ĐỒ ÁN QUY HOẠCH PHÂN KHU
MỞ RỘNG KHU CÔNG NGHIỆP TÂY BẮC QUÁN HẦU,
XÃ VĨNH NINH, HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH



Lê Trọng Thịnh



Lê Anh Tuấn

Quảng Bình, tháng 9 năm 2022

I. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Thông tin chung:

+ Tên dự án: Nhà máy sản xuất chế tác đá tự nhiên
+ Địa điểm thực hiện: Thuộc Lô đất C6 và C8, đồ án quy hoạch phân khu mở rộng Khu công nghiệp Tây Bắc Quán Hàu, xã Vĩnh Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

+ Chủ dự án: **CÔNG TY TNHH GIA HOÀNG KHANG**

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

Khu đất có ranh giới xác định như sau:

- + Phía Bắc giáp hành lang cây xanh trong KCN;
- + Phía Nam giáp đất xây dựng Nhà máy trong KCN;
- + Phía Đông giáp đất xây dựng Nhà máy trong KCN;
- + Phía Tây giáp trục đường 15m KCN.

Dự án cách đường Hồ Chí Minh khoảng 20m về phía Đông, điểm gần nhất cách tuyến đường sắt Bắc Nam khoảng 150m về phía Tây. Cách Ga Lệ Kỳ khoảng 200m về phía Tây.



Dự án được đầu tư trên diện tích 15.260m², bao gồm các hạng mục như sau:

Bảng 1.1. Các hạng mục dự án

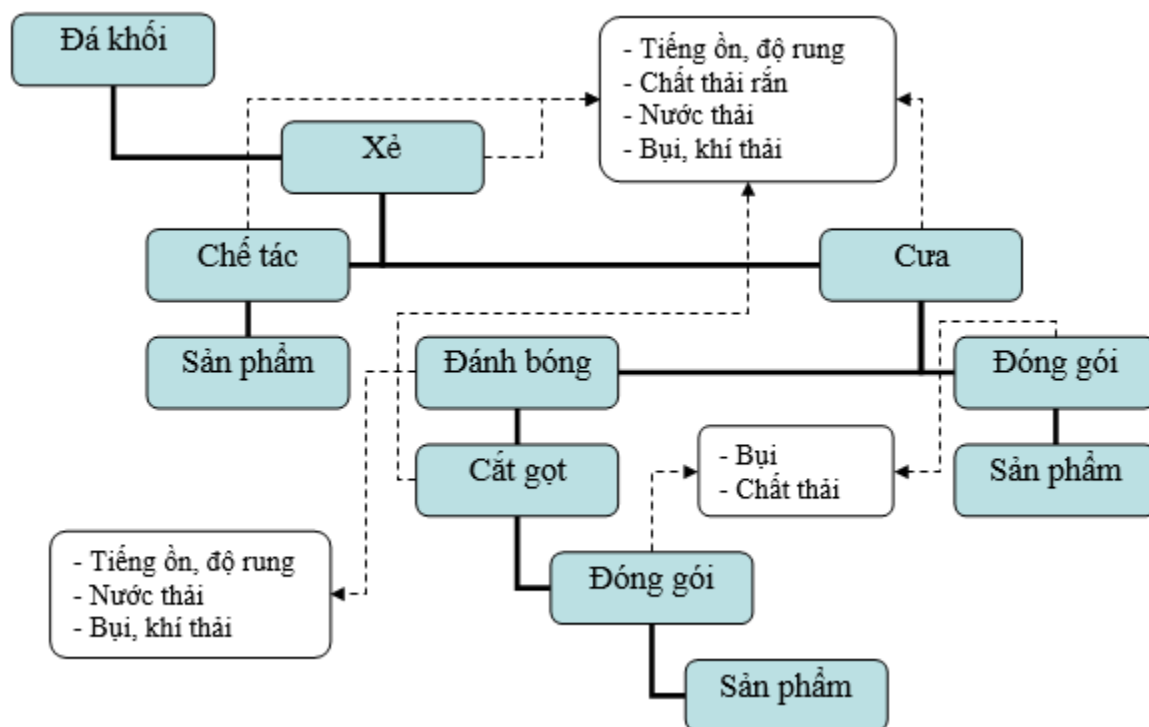
TT	HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	DIỆN TÍCH (M ²)
1	Nhà văn phòng	118.6
2	Nhà xưởng sản xuất	1185.0
3	Nhà trung bày	1185.0

4	Kho hàng hóa	1185.0
5	Nhà ăn và nghỉ ca	215.7
6	Nhà bảo vệ	30.2
7	Nhà xe	96
8	Bãi chứa vật liệu	1223.9
9	Bể nước PCCC	50
10	Trạm biến áp	25
11	Sân đường nội bộ và hạ tầng	6985.6
12	Cổng hàng rào	-
13	Đất cây xanh	3060.0

Công suất dự án: Chế tác đá tự nhiên các loại: 20.000 Tấn sản phẩm/năm (Các loại đá trang trí, đá xây dựng).

1.3. Công nghệ sản xuất:

Quy trình sản xuất chính cũng như nguồn phát sinh chất thải qua các giai đoạn sản xuất được trình bày tóm tắt như sau:



* Thuyết minh sơ đồ dây chuyền sản xuất của Nhà máy:

- Đá khối bao gồm đá Marble và đá Granite được vận chuyển từ khu vực bãi chửa nguyên liệu về khu vực cơ xẻ trong phân xưởng. Nhà máy sử dụng cưa băng lớn nhiều lưỡi cưa có thể điều chỉnh cho phù hợp với độ dày của đá được cắt và có khả năng cắt toàn bộ khối đá thành tấm cùng một lúc. Đá cũng có thể được cắt thành tấm hoặc các cột trụ tròn tùy theo nhu cầu của khách hàng.

- Chế tác: Theo nhu cầu của khách hàng, các tấm trụ tròn hoặc các tấm lớn được coi là đá thành phẩm sẽ được chế tác đơn giản và giao cho khách hàng theo nhu cầu.

- Cưa: Đá khối hoặc đá xẻ được đưa vào dây chuyền máy cưa theo nhu cầu của khách hàng bao gồm: mã đá gốc (hoặc mã đá xẻ), quy cách (dài, rộng, cao), số lượng (m^2 , tấm).

- Đánh bóng: Đối với các sản phẩm đá chất lượng cao, đá ốp lát nền, sau khi được cắt tại hệ thống máy cưa đá được di chuyển đồng loạt đến khâu đánh bóng. Tại đây, chúng được đặt theo mặt ngang trên một băng tải dây chuyền lớn, đi qua các đầu máy đánh bóng như mài mòn kim cương thô, sau đó mài nhẵn hơn, mịn hơn. Đá Granite, Marble sẽ được phủ thêm lớp nhựa thông trên đường tới dây chuyền nhằm lấp kín các lỗ nhỏ li ti của đá, thuận tiện cho việc làm mịn và vệ sinh.

- Đóng gói: Khi những tấm đá đã được gia công xong sẽ được kiểm tra chất lượng, đóng gói trước khi bước vào quá trình vận chuyển. Các tấm đá được bó lại, xếp cùng nhau vào các khung gỗ, giữ thẳng trong suốt quá trình vận chuyển. Chúng được đưa vào các container. Do trọng lượng lớn, các container có khi không được chứa đầy thùng mà đá sẽ được xếp phụ thuộc vào giới hạn trọng lượng, điều này đảm bảo quá trình vận chuyển an toàn cũng như chất lượng đá được đảm bảo trong suốt hành trình.

1.4. Các hạng mục công trình xây dựng:

* Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án:

- Các hạng mục công trình chính:

+ Dây chuyền sản xuất gồm các hạng mục: Máy cắt xẻ đá, băng chuyền, máy đánh bóng và cắt gọt thành phẩm.

+ Xưởng sản xuất

+ Nhà văn phòng:

+ Nhà ở nhân viên + nhà ăn ca:

+ Nhà trưng bày và kho hàng hóa:

- Các hạng mục công trình phụ trợ của dự án: Nhà xe; Nhà bảo vệ; Bãi chứa vật liệu; Sân, đường nội bộ và hạ tầng; Cổng, hàng rào

- Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường:

+ Thoát nước mưa: Hệ thống thoát nước được bố trí theo dọc mái các khu nhà, đường giao thông nội bộ được gom vào hệ thống thoát chính bằng bê tông có nắp đan với kích thước 1.2m x 9,6m.

+ Công trình xử lý nước thải

. Xây dựng 02 hầm tự hoại tại khu vực văn phòng và nhà ăn ca.

. Xây dựng nhà vệ sinh kích thước 6 x 2 x 3,5, chia làm 4 phòng (2 phòng tắm, 2 phòng vệ sinh), xây gạch không nung, tường thẳng, vì kèo thép, mái lợp tôn, diện tích 12m².

. Xây dựng hầm cầu tự hoại 03 ngăn đạt tiêu chuẩn dưới khu vực nhà vệ sinh. Hầm cầu tự hoại có tổng thể tích khoảng 4,5m³ (D*R*C = 2,5m*1,5m*1,2m), được xây bằng gạch, vữa xi măng chắc chắn, ở ngăn lắng và ngăn lọc có xử lý chống thấm.

- . Bể tách dầu mỡ;
- . Bể lắng 3 ngăn;
- . Thiết bị xử lý Johkasou.
- . Bể thu gom nước thải sản xuất và tái tuần hoàn.

+ Công trình xử lý bụi: Trang bị đầy đủ các bảo hộ lao động như áo quần, mũ, khẩu trang, giày bảo hộ,... cho công nhân làm việc trực tiếp tại công trường khai thác;

+ Công trình xử lý bụi: Trang bị đầy đủ các bảo hộ lao động như áo quần, mũ, khẩu trang, giày bảo hộ,... cho công nhân làm việc trực tiếp tại công trường khai thác;

+ Thùng đựng CTNH: Kho chứa chất chất thải nguy hại.

1.5. Phần thiết bị:

Các thiết bị, máy móc dự kiến sử dụng phục vụ giai đoạn hoạt động của dự án được trình bày ở bảng sau:

Bảng 1.5. Danh mục máy móc, thiết bị dự kiến

STT	Danh mục thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Xuất xứ
1	Máy cưa Gangsaw granite	Bộ	02	Ý
2	Máy cưa Gangsaw Marble	Bộ	01	Ý
3	Máy mài đá Slap granite 2000	Bộ	01	Ý
4	Máy mài đá Slap Marble 2000	Bộ	01	Ý
5	Máy cắt cầu	Cái	8	TQ-ĐL
6	Máy mài bóng và cắt tạo hình	Bộ	02	TQ-ĐL
7	Cầu trục 2 tấn	Chiếc	01	VN
8	Cầu trục 5 tấn	Chiếc	02	VN
9	Cầu trục 10 tấn	Chiếc	01	VN
10	Cầu trục 40tấn	Chiếc	01	VN
11	Xe nâng	Chiếc	02	Nhật
12	Xe đào	Chiếc	01	HQ

1.6. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:

Hiện trạng dự án không nằm trong khu dân cư tập trung, nguồn nước tiếp nhận nước thải của dự án không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt; trong vòng bán kính 1km không có khu bảo tồn thiên nhiên, di sản văn hóa cũng như không có các yếu tố nhạy cảm khác về môi trường.

II. HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DỰ ÁN CÓ KHẢ NĂNG TÁC ĐỘNG XẤU ĐẾN MÔI TRƯỜNG

Các hạng mục công trình và hoạt động kèm theo các tác động xấu đến môi trường theo các giai đoạn của dự án

TT	Hoạt động tạo nguồn gây tác động	Nguồn gây tác động
----	----------------------------------	--------------------

I Giai đoạn thi công XDCB		
<i>I.1 Nguồn gây tác động có liên quan đến chất thải</i>		
1	Thi công, xây dựng các công trình	Bụi, khí thải (CO, SO ₂ , NO ₂ và HC). Chất thải rắn.
2	Giải phòng mặt bằng, đào đắp	Bụi, khí thải (CO, SO ₂ , NO ₂ và HC) Sinh khối thực vật bề mặt
3	Hoạt động của các máy móc, thiết bị thi công và phương tiện vận tải.	Bụi, khí thải (CO, SO ₂ , NO ₂ và HC). Chất thải nguy hại
4	Hoạt động của cán bộ, công nhân.	Nước thải và chất thải rắn sinh hoạt
5	Nước mưa chảy tràn.	Chất bẩn từ bề mặt công trường.
<i>I.2 Nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải</i>		
1	Chiếm dụng đất	Ảnh hưởng đến địa hình, sinh thái, tâm linh
2	Thi công xây dựng các công trình	Ồn, rung. An toàn giao thông.
3	Đào đắp khu vực dự án	Ảnh hưởng đến địa hình, cảnh quan Sự cố về an toàn lao động
4	Hoạt động của các phương tiện vận tải, máy móc, thiết bị thi công	Tiếng ồn, chấn động. Gia tăng lưu lượng vận tải và các sự cố về mất an toàn giao thông.
5	Hoạt động của cán bộ, công nhân.	Trật tự xã hội, an toàn lao động
II Giai đoạn hoạt động của Dự án		
<i>II.1 Nguồn gây tác động có liên quan đến chất thải</i>		
1	Hoạt động sản xuất, chế tác đá	- Nước thải sản xuất - Bụi, khí thải động cơ (CO, SO ₂ , NO ₂), - Chất thải rắn sản xuất, chất thải nguy hại.
2	Vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm	Bụi, khí thải, chất thải rắn
3	Hoạt động của công nhân lao động	Nước thải và chất thải rắn sinh hoạt
4	Nước mưa chảy tràn	Chất bẩn từ bề mặt khai thác
<i>II.2 Nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải</i>		
1	Hoạt động sản xuất và chế tác đá	Tiếng ồn, độ rung Tai nạn lao động

2	Hoạt động của các phương tiện vận chuyển	Tiếng ồn, độ rung; gia tăng lưu lượng các phương tiện lưu thông trên đường, ảnh hưởng đến việc đi lại của người dân khu vực và các sự cố mất an toàn giao thông Gây hư hỏng các tuyến đường
3	Hoạt động của công nhân	Gia tăng nguy cơ mất an ninh trật tự; Lây lan dịch bệnh xã hội

III. TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

Các tác động môi trường chính và chất thải phát sinh theo từng giai đoạn của dự án được trình bày ở bảng sau:

STT	Tác động môi trường	Nguồn phát sinh	Quy mô/Lưu lượng tối đa	Tính chất/Thông số ô nhiễm chính
I	Giai đoạn XD/CB mở			
I.1	Nước thải	Nước thải xây dựng	Khoảng 0,3m ³ /ngày	TSS, BOD ₅ , COD.
		Nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân lao động trên công trường	- Nước thải xám: 0,9 m ³ /ngày; - Nước thải đen: 0,225 m ³ /ngày.	Chất rắn lơ lửng (TSS), BOD ₅ , COD, dầu mỡ, tổng nitơ (N), Amoni, tổng photpho (P), Coliform.
		Nước thải từ quá trình nạo vét hồ	798,2 m ³	
		Nước mưa chảy tràn vào khu vực mỏ	Khoảng 21.425,45 m ³ /ngày đêm	
I.2	Bụi, khí thải	- Từ hoạt động san gạt mặt bằng để xây dựng các hạng mục công trình; - Bụi phát sinh trong quá trình đào, đắp san nền; - Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình thi công xây dựng các hạng mục dự án;		Bụi, SO ₂ , NO _x , CO, THC

		<ul style="list-style-type: none"> - Bụi cuốn theo các phương tiện giao thông vận chuyển nguyên vật liệu trên các tuyến đường vào khu vực thi công; - Mùi hôi phát sinh do sự phân hủy chất thải rắn hữu cơ, do chất thải vệ sinh của công nhân lao động. 		
I.3	Chất thải rắn	Thảm thực vật bề mặt	Khoảng 17,2 m ³	Thân, cành, lá, gốc cây,...
		Di dời mồ mả	Không	
		Rác thải xây dựng	Khoảng 1,19 (tấn/thời gian thi công)	Sắt thép, xi măng, kim loại, kính,...
		Bùn nạo vét	1.558,9 tấn	
		Rác thải từ quá trình sinh hoạt của cán bộ, công nhân tham gia thi công	Khoảng 20 kg/ngày	Giấy loại, bao bì đựng thức ăn, thực phẩm dư thừa, chai lọ đựng đồ uống,...
I.4	Chất thải nguy hại	Sửa chữa máy móc hư hỏng	Khoảng 1-2kg	Dầu nhớt bôi trơn loại thải, các loại giẻ lau nhiễm dầu mỡ
I.5	Tiếng ồn, độ rung	Hoạt động của các phương tiện, máy móc, thiết bị thi công các hạng mục công trình và phương tiện vận tải.	Quy chuẩn áp dụng: Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn Kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 27:2010/RTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung - đối với hoạt động xây dựng.	
I.6	Các tác động khác	<ul style="list-style-type: none"> - Tác động đến an ninh, trật tự xã hội - Ảnh hưởng đến giao thông trong khu vực - Tác động do vật liệu nổ tồn lưu trong chiến tranh - Sự cố tai nạn lao động, an toàn giao thông - Sự cố cháy nổ, cháy rừng - Sự cố xói lở, bồi lắng 		

II		Giai đoạn sản xuất		
II.1	Nước thải	Nước thải sinh hoạt của cán bộ công nhân	Nước thải sinh hoạt khoảng 7,5 m ³ /ngày	Chất rắn lơ lửng (TSS), BOD ₅ , COD, dầu mỡ, tổng nitơ (N), Amoni, tổng photpho (P), Coliform.
		Nước thải sản xuất	Khoảng 28 m ³ /ngày.	TSS
		Nước mưa chảy tràn	Khoảng 3.010,5 m ³ /ngày	
II.2	Bụi, khí thải	<ul style="list-style-type: none"> - Bụi và khí thải của các phương tiện giao thông, vận tải vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm ra vào Nhà máy. - Bụi phát sinh trong quá trình chế tác đá tự nhiên. - Bụi từ quá trình bốc xếp, tập kết nguyên liệu, sản phẩm. - Khí thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung. 		Bụi, CO, NO _x , TSP, SO ₂ , VOC
II.3	Chất thải rắn	Chất thải rắn sản xuất	Khoảng 1.750 tấn/năm.	Đá thải, đá thành phẩm hư hỏng, không đạt tiêu chuẩn bị loại bỏ
		Bùn cặn từ hệ thống xử lý nước thải	Khoảng 3.250 tấn/năm.	Bùn đá (dạng nhão)
		Rác thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân trên khai trường	Khoảng 42kg/ngày.	Giấy ăn, các loại lon nước, túi nilon, bao bì, hộp đựng thức ăn,...
II.4	Chất thải nguy hại	Từ các phương tiện vận chuyển và sản xuất	Khoảng 240kg/năm	Dầu động cơ, dầu bôi trơn tổng hợp loại thải, giẻ lau dính các thành phần nguy hại, bóng đèn huỳnh quang,...

II.5	Tiếng ồn, độ rung	Do hoạt động của các phương tiện vận tải và sản xuất	Quy chuẩn áp dụng: Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn Kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 27:2010/RTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.
II.6	Các tác động khác	<ul style="list-style-type: none"> - Tác động đến kinh tế, xã hội - Gia tăng lưu lượng các phương tiện vận tải - Sự cố thiên tai - Sự cố hư hỏng tuyến đường vận chuyển - Sự cố cháy nổ, cháy rừng - Sự cố tai nạn giao thông - Sự cố tai nạn lao động 	

IV. CÁC CÔNG TRÌNH VÀ BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

4.1. Giai đoạn thi công

a) Về nước thải và nước mưa chảy tràn

- Đối với nước thải sinh hoạt:

+ Nước thải đen: Sử dụng nhà vệ sinh lưu động tại khu vực lán trại (khu vực xây dựng khu phụ trợ, nhà điều hành sau này) để thu gom và xử lý nước thải. Sau khi thi công xong công trình nhà vệ sinh của dự án sẽ tháo dỡ và vận chuyển nhà vệ sinh lưu động đi nơi khác. Định kỳ thuê đơn vị có chức năng hút và vận chuyển xử lý đúng theo quy định mà không thải ra môi trường tiếp nhận.

+ Nước rửa chân tay và nước thải thi công xây dựng (rửa dụng cụ thi công): Đào 01 hố lửng tạm bằng đất có thể tích 4m³ (kích thước D x R x C = 2 m x 2m x 1 m) tại khu vực xây dựng khu nhà điều hành, để thu gom nước thải, lắng cặn và thấm vào đất và không thải ra môi trường tiếp nhận.

Quy chuẩn áp dụng: QCVN 14:2008/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

- Đối với nước mưa chảy tràn: Đào các rãnh thoát nước tạm có độ dốc đáy từ 1-3% theo hướng nắn dòng chảy của Quy hoạch chung phân khu mở rộng KCN Tây Bắc Quán Hàu để thoát nước cho dự án cũng như khu vực, bố trí các hố thu kết hợp lắng bằng phương pháp trọng lực, cách nhau 25m để tách chất thải rắn có kích thước lớn cuốn trôi theo nước mưa chảy tràn trên các công trường thi công. Quy chuẩn áp dụng: QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

b) Về bụi, khí thải

- Trang bị đầy đủ các bảo hộ lao động như áo quần, mũ, khẩu trang, giày bảo hộ,... cho công nhân làm việc trực tiếp tại công trường khai thác;

- Trang bị xe phun nước 5m³ và phun ẩm trên các tuyến đường vận chuyển vào những ngày thời tiết khô nóng;

- Sử dụng bạt che phủ thùng xe để hạn chế khả năng cuốn bụi gây ô nhiễm môi trường cho dân cư xung quanh và người tham gia giao thông;

- Bố trí 1 điểm xịt bánh xe tại khu vực ra vào dự án để xịt rửa bánh xe vào thời điểm thời tiết có mưa, để hạn chế bùn, đất dính bám bánh xe;

- Trồng và bảo vệ dải cây xanh xung quanh rào rào dự án.

Quy chuẩn áp dụng: QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

c) Về rác thải

** Đối với rác thải sinh hoạt:*

Rác thải sẽ được phân loại tại nguồn với 3 loại: CTR có khả năng tái sử dụng, tái chế; chất thải thực phẩm và chất thải rắn sinh hoạt khác. Bố trí 3 thùng chứa loại 50 lít có nắp đậy kín tại khu vực văn phòng, 1 thùng đựng chất thải rắn sinh hoạt có khả năng tái sử dụng, tái chế để thu gom, bán cho cơ sở thu mua phế liệu; 1 thùng đựng rác thải hữu cơ (thức ăn dư thừa) để chuyển giao cho các cơ sở chăn nuôi làm thức ăn chăn nuôi; 1 thùng đựng rác thải sinh hoạt khác hợp đồng với đội thu gom rác thải chung của địa phương để định kỳ đến vận chuyển đi xử lý.

** Thảm thực vật bị chặt bỏ:*

Tận dụng, thu gom và hợp đồng với đội vệ sinh môi trường tại địa phương để vận chuyển đi xử lý.

** Đối với rác thải xây dựng:*

Được phân loại và thu gom hằng ngày và xử lý như rác thải sinh hoạt.

** Bùn nạo vét từ các hồ:*

Đối với bùn thải từ quá trình nạo vét các hồ, Chủ dự án sẽ thuê đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý bằng các xe chở bùn chuyên dụng bằng hệ thống thủy lực với ưu điểm thùng bùn kín khít, đảm bảo không gây rò rỉ, rơi vãi trên tuyến đường vận chuyển.

** Đối với chất thải nguy hại:*

- Xây dựng kho chứa chất chất thải nguy hại kích thước (3 x 3 x 2,5)m, xây gạch không nung, tường thẳng, vì kèo thép, mái fibro xi măng, diện tích 9m². Tại kho chứa CTNH, Chủ Dự án sẽ yêu cầu đơn vị thi công bố trí 01 thùng phuy loại 50 lít, có nắp đậy kín để thu gom dầu mỡ bôi trơn loại thải; bố trí 01 thùng phuy loại 50 lít, có nắp đậy kín để thu gom giẻ lau dính dầu mỡ bôi trơn phát sinh trên khu vực dự án nằm tại vị trí xây dựng kho chất thải nguy hại cạnh kho vật tư và xưởng sửa chữa, có mái che, cửa khóa kín và có hệ thống biển cảnh báo, dán nhãn nguy hại.

d) Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Sử dụng công nghệ và thiết bị thi công hiện đại đảm bảo các yêu cầu về phát thải tiếng ồn và được cơ quan đăng kiểm cấp phép;

- Chú trọng chế độ bảo dưỡng thiết bị nhằm hạn chế khả năng gây ồn do thiết bị

thì công tạo ra.

- Có chế độ nghỉ ngơi hợp lý, sử dụng các phương tiện bảo hiểm thích hợp như dùng mũ giảm âm, hoặc nút tai chống ồn cho công nhân.

Quy chuẩn áp dụng: Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn Kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 27:2010/RTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung - đối với hoạt động xây dựng.

e) Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

** Giảm thiểu tác động do chiếm dụng đất*

Thực hiện đúng theo các quy định, hướng dẫn của Chính phủ và UBND tỉnh về việc bồi thường cho các công trình, tài sản bị ảnh hưởng bởi Dự án.

** Hạn chế các tác động về mặt xã hội*

- Giữ mối liên hệ tốt giữa chủ dự án với chính quyền địa phương và dân cư trong vùng.

- Chấp hành đúng các luật và quy định của Nhà nước trong việc thuê nhân công lao động nghiệp vụ và lao động phổ thông

- Phối hợp với chính quyền địa phương để thực hiện các biện pháp quản lý cũng như tuyên truyền, giáo dục ý thức cho công nhân nhằm tránh phát sinh mâu thuẫn, đảm bảo an ninh trật tự trong khu vực.

** Đảm bảo an toàn giao thông*

- Chỉ sử dụng xe có trọng tải ≤ 10 tấn trong quá trình vận chuyển vật liệu xây dựng cơ bản mỏ và vận chuyển.

- Không tập trung phương tiện vận chuyển cùng lúc trên các tuyến đường.

- Chủ dự án cam kết sẽ khắc phục hư hỏng trên các tuyến đường do dự án gây ra nhằm đảm bảo an toàn giao thông.

f) Biện pháp các rủi ro và các sự cố môi trường trong giai đoạn xây dựng cơ bản

** Rà phá bom mìn*

- Tiến hành rà phá bom mìn khu mỏ trước khi tiến hành xây dựng cơ bản mỏ và khai thác mỏ.

- Hợp đồng với đơn vị thực hiện phải có đủ năng lực và trang thiết bị kỹ thuật hiện đại để tiến hành rà phá bom mìn.

- Thông báo cho chính quyền địa phương và người dân khu vực về kế hoạch thực hiện rà phá bom mìn ít nhất 1 tuần trước khi thực hiện.

- Đặt biển báo nguy hiểm cấm người và gia súc vào khu vực dự án trong phạm vi an toàn (> 300m).

- Các loại vật liệu nổ, bom mìn phát hiện phải được quản lý chặt chẽ và báo cáo cho cơ quan chức năng quản lý, xử lý, chủ dự án sẽ không để thất thoát ra ngoài.

** An toàn lao động*

- Tuân thủ và hướng dẫn thực hiện nghiêm ngặt các quy phạm kỹ thuật an toàn trong xây dựng được quy định tại TCVN 5308 – 91

- Khu vực đang thi công hoặc những nơi nguy hiểm phải có chỉ dẫn, biển báo theo đúng quy định về an toàn thi công công trình xây dựng;

- Trang bị đầy đủ trang thiết bị bảo hộ lao động, thiết bị bảo vệ cho công nhân làm việc tại Dự án.

*** *Đảm bảo an toàn giao thông***

- Không tập trung phương tiện vận chuyển.

- Chỉ sử dụng những phương tiện vận chuyển được cơ quan đăng kiểm cấp phép;

- Đảm bảo tải trọng xe vận chuyển, chạy đúng tốc độ theo quy định;

- Giáo dục ý thức chấp hành giao thông cho công nhân lái xe.

*** *Sự cố cháy nổ:***

- Sự cố cháy rừng:

+ Tuyên truyền nâng cao ý thức bảo vệ, phòng chống cháy rừng cho công nhân;

+ Yêu cầu công nhân cẩn trọng trong việc dùng lửa và các vật liệu dễ cháy.

- Sự cố cháy nổ:

+ Ưu tiên đầu tư các trang bị các biển báo, nội quy PCCC tại công trường.

+ Thường xuyên nhắc nhở kiểm tra đề phòng sự cố xảy ra về hỏa hoạn cũng như sự cố về điện.

*** *Sự cố xói lở, bồi lắng***

Yêu cầu công nhân thực hiện đúng các biện pháp giảm thiểu trong quá trình thi công. Chủ dự án sẽ thường xuyên, nạo vét khơi thông dòng chảy khe để giảm thiểu các tác động xấu gây ảnh hưởng đến khả năng thoát nước của khu vực nói riêng và dòng chảy của phụ lưu khe nói chung.

4.2. Giai đoạn hoạt động

a) Về công trình, biện pháp thu gom và xử lý nước thải:

* Nước thải sinh hoạt:

- Nước thải đen từ khu vệ sinh được thu gom về các bể tự hoại 5 ngăn cải tiến (Bể kỵ khí Bastaf) sau đó dẫn về thiết bị xử lý hợp khối Johkasou công suất 10m³/ngày đêm..

- Nước thải từ bồn rửa tay, sàn được thu gom qua tấm chắn rác sau đó theo đường ống dẫn về thiết bị xử lý nước thải Johkasou.

- Nước thải nhà ăn: Được qu bể tách dầu mỡ inox có thể tích 2m³ trước khi được dẫn về thiết bị xử lý hợp khối Johkasou..

Nước thải sau quá trình xử lý bằng hệ thống này đạt tiêu chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột A). Su đó sẽ dẫn về bể chứa 2 ngăn thể tích 15m³ (1 ngăn chứa kết cấu BTCT để tận dụng tưới cây và 1 ngăn tự thấm kết cấu đáy là nền đất hiện trạng để nước thải tự thấm trong khuôn viên nhà máy.

Định kỳ 1 lần/năm chủ dự án sẽ thuê đơn vị đủ chức năng đến hút lượng bùn lắng đọng (bùn lắng) trong hệ thống JKS vận chuyển đi xử lý đúng quy định.

* Nước thải sản xuất: Nước thải từ quy trình chế tác đá, nước tưới đường và vệ sinh sân bãi, nước đường ngập nước, nước tưới đường và vệ sinh sân bãi được dẫn theo mương thoát nước BxH (0,5m x 0,5m) xây bằng BTCT về bể lắng 3 ngăn (ngăn chứa, ngăn trung hòa, ngăn lọc) để xử lý trước khi tái sử dụng. Dọc tuyến mương cứ 30m bố trí các hố ga (1mx1mx1m) để lắng cặn. Định kỳ hàng tuần nạo vét tuyến mương và hố ga.

Nước sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột B), được dẫn ra bể chứa kết cấu bê tông cốt thép dung tích 125m³ (Dài × Rộng × Sâu = 5m x 5m x 5m) để tuần hoàn tái sử dụng cho vệ sinh thùng trộn, bồn xe nhằm hạn chế việc sử dụng nước ngầm, đảm bảo không ảnh hưởng đến chất lượng nước ngầm khu vực dự án.

* Nước mưa chảy tràn:

Nhà máy bố trí hệ thống đường ống UPVC D110 để thu nước mưa mái từ các công trình khu nhà phục vụ sản xuất, khu vực hành chính, các công trình phụ trợ khác. Sau đó, nước mưa được thu gom về các hố ga kích thước 0,8m x 0,8m rồi dẫn vào các mương thoát nước B x H (0,4m x 0,4m) bố trí xung quanh mặt bằng các công trình. Trên toàn nhà máy bố trí tổng 8 hố ga để thu gom nước mưa. Sau đó, nước mưa được dẫn ra hố ga thu gom nước mưa của KCN dọc tuyến đường quy hoạch phía Đông nhà máy. Tuy nhiên, do hiện trạng khu công nghiệp chưa đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật, chưa có hệ thống thoát nước mưa nên trước mắt nước mưa chảy tràn được thu gom rồi thoát theo hướng địa hình về phía Đông nhà máy rồi thoát về phía Khe.

b) Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:

- Bụi, khí thải của các phương tiện giao thông:
+ Chấp hành luật an toàn giao thông, hạn chế vận chuyển giờ cao điểm.
+ Thường xuyên vệ sinh, thu gom rác, quét bụi, phun nước đường đi, sân bãi,...
+ Bê tông toàn bộ sân bãi, trồng cây xanh vào các khoảng trống trong khuôn viên dự án.

+ Bảo dưỡng xe định kỳ.

+ Xây dựng tuyến đường ngập nước hình vòng cung tại khu vực gần cổng nhà máy (bề rộng 5m, chiều dài 8m) để vệ sinh bánh xe (rửa sạch bụi, chất bẩn bám theo bánh xe) trước khi ra vào nhà máy.

- Bụi tại khu vực tập kết nguyên liệu, chất thải rắn thông thường

Xung quanh khu vực chứa nguyên vật liệu được xây móng có gờ cao khoảng 50cm. Xung quanh khu vực tập kết nguyên vật liệu có rãnh thoát nước mưa, dọc tuyến có cứ 10m bố trí 01 hố ga để thu gom và lắng cặn trước khi thoát ra môi trường.

+ Tưới nước trong các ngày nắng ở các khu vực đường nội bộ.

- Bụi từ công đoạn sản xuất:

+ Bảo ôn tất cả các đường ống thông gió, quạt gió.

+ Mỗi máy xẻ, máy cắt, cưa, và dây chuyền đánh bóng loại sẽ được gắn 01 bộ mũi phun nước kèm theo, nước từ bể tuần hoàn được bơm trực tiếp vào mũi phun và phun trực tiếp vào lưỡi cắt. Nước sẽ được phun liên tục, trường hợp có sự cố không thể phun nước từ mũi phun sẽ dừng ngay hệ thống để đảm bảo an toàn trong chế tác cũng như bảo vệ môi trường.

- Xử lý khí thải đối với khí thải máy phát điện dự phòng: Lựa chọn máy phát điện có nguồn gốc rõ ràng, sử dụng nguyên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp.

- Mùi hôi từ hệ thống thoát nước, trạm xử lý nước thải:

+ Thường xuyên vệ sinh, nạo vét bùn lắng trên đường ống thoát nước và xử lý triệt để.

+ Trồng cây xanh dọc theo hệ thống đường thoát nước và xung quanh hệ thống xử lý nước thải.

c) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- CTRSH: Rác thải sẽ được phân loại tại nguồn với 3 loại: CTR có khả năng tái sử dụng, tái chế; chất thải thực phẩm và chất thải rắn sinh hoạt khác. Bố trí 3 thùng chứa loại 50 lít có nắp đậy kín tại khu vực văn phòng, 1 thùng đựng chất thải rắn sinh hoạt có khả năng tái sử dụng, tái chế để thu gom, bán cho cơ sở thu mua phế liệu; 1 thùng đựng rác thải hữu cơ (thức ăn dư thừa) để chuyển giao cho các cơ sở chăn nuôi làm thức ăn chăn nuôi; 1 thùng đựng rác thải sinh hoạt khác hợp đồng với đội thu gom rác thải chung của địa phương để định kỳ đến vận chuyển đi xử lý.

- CTR sản xuất:

+ Lượng chất thải công nghiệp không nguy hại như phế liệu, công ty sẽ bán lại cho các cơ sở phế liệu có chức năng thu mua.

+ Đối với chất thải rắn là bột đá, đá hỏng, đá phế phẩm: Nhà máy sẽ tận dụng bán cho các nhà thầu xây dựng, tận dụng làm đá vật liệu như đá chẻ làm móng, đá lát vườn, cung cấp cho các công trình san lấp nền.

+ Đối với bột đá: sau khi tiến hành nạo vét các hồ lắng bột đá sẽ có giải pháp tái sử dụng phục vụ cho ngành xây dựng, góp phần mang lại lợi ích kinh tế cho doanh nghiệp đồng thời góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường một cách tích cực nhất; hoặc được đưa vào sử dụng mục đích san lấp mặt bằng tại các nhà máy hoặc những khu vực lân cận khi có nhu cầu.

+ Đối với bùn lắng từ đường ngập nước sẽ được thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý theo quy định.

- Tần suất thu gom, vận chuyển, xử lý:

+ Chất thải sinh hoạt: 02 ngày/lần.

+ Chất thải rắn công nghiệp thông thường: 01 tuần/lần.

d) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

Thu gom vào 03 thùng đựng có dung tích 100 lít, có dán nhãn chất thải nguy hại, bố trí tại nhà kho kín ở nhà xưởng, bảo đảm không bị ngập lụt có diện tích 9m² (dài

3m, rộng 3m, cao 3m). Tại nhà kho trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30cm mỗi chiều.

Định kỳ 06 tháng/lần hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

e) Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

- Thực hiện biện pháp giảm thiểu tiếng ồn và độ rung: thiết kế các bộ phận giảm âm, lắp đệm chống ồn trong quá trình lắp đặt thiết bị tại Nhà máy. Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án.

- Lắp đặt vách ngăn giảm lan truyền ồn, trang bị nút bịt tai cho công nhân; định kỳ kiểm tra bảo dưỡng máy móc.

- Trồng cây xanh, thảm cỏ xung quanh Nhà máy để giảm thiểu bụi, tiếng ồn phát sinh từ hoạt động sản xuất tới môi trường xung quanh.

f) Phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

+ *Phòng chống cháy nổ*: Nhà máy sẽ thực hiện đúng theo Luật Phòng cháy Chữa cháy và các quy định về Phòng cháy Chữa cháy. lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy như: Các thiết bị an toàn phòng cháy chữa cháy như hệ thống đường ống nước, họng nước, vòi phun, bình cứu hỏa, bể chứa nước PCCC,... phù hợp với tính chất, đặc điểm của Nhà máy, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy.

+ Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đường ống cấp thoát nước: không xây dựng các công trình trên đường ống dẫn nước, thường xuyên kiểm tra và bảo trì các mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo an toàn và đạt độ bền, độ kín khít của tất cả các tuyến ống.

+ Chống sét: Kiểm tra, lắp đặt lại hệ thống chống sét để bảo vệ cho toàn bộ nhà máy. Hàng năm hệ thống chống sét được tiến hành đo kiểm cách điện để đảm bảo an toàn cho hệ thống.

+ Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu chứa chất thải rắn, chất thải nguy hại: khu lưu giữ chất thải được phân chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau với khoảng cách phù hợp để hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải dẫn đến xảy ra sự cố cháy nổ, các khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo theo quy định.

+ Sự cố thiên tai, dịch bệnh: Chủ động phòng, chống và ứng phó kịp thời để hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại về người và tài sản do thiên tai, dịch bệnh gây ra.

g) Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án: Công ty TNHH Gia Hoàng Khang

Đơn vị tư vấn: Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Quảng Bình

Trang 15

- Vi khí hậu:
 - + Bố trí hệ thống quạt gió thông khí trong nhà xưởng; Trồng thêm cây xanh trong khuôn viên nhà máy
 - + Khu vực nồi hơi, lắp đặt thêm quạt hút nhằm tăng cường khả năng trao đổi nhiệt để đảm bảo tiêu chuẩn về nhiệt độ.
 - + Đường ống dẫn hơi, nồi hơi được bọc lớp bảo ôn cách nhiệt, biện pháp này vừa giảm tổn thất năng lượng vừa giảm thiểu nhiệt thừa trong nhà xưởng.
- Cải tạo môi trường xung quanh: Trồng cây xanh và vệ sinh công nghiệp định kỳ, lắp đặt các thùng rác dọc theo các tuyến đường nội bộ.
- Tuân thủ các yêu cầu, quy định về bảo vệ môi trường hiện hành về việc lưu giữ và nhập khẩu phế liệu.
- An toàn lao động:
 - + Trang bị các phương tiện bảo hộ lao động cho CBCNV.
 - + Đối với công nhân sẽ được trang bị bảo hộ lao động, trang bị liềm kè, khám sức khỏe định kỳ cho công nhân ít nhất 02 lần/năm theo quy định.

V. CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ VÀ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG

a. Giám sát môi trường không khí

- Chỉ tiêu giám sát: Tổng bụi lơ lửng, độ ồn, độ rung, NO₂, SO₂.
- Vị trí giám sát:
 - + **K1**: Tại khu vực nhà xưởng sản xuất 1;
 - + **K2**: Tại khu vực nhà xưởng sản xuất 2;
- Tần suất giám sát: 6 tháng/lần, khi có sự cố, hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường.
- Quy chuẩn so sánh:
 - + QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;
 - + QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh;
 - + QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn;
 - + Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10 tháng 10 năm 2002 của Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động;
 - + QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

b. Giám sát môi trường nước thải:

- Chỉ tiêu giám sát: pH, BOD₅, TSS, COD, Fe, Coliform, tổng dầu mỡ.
- Vị trí lấy mẫu phân tích:
 - + NT1: Nước thải đầu vào của hợp khối Johkaso.

- + NT2: Nước thải đầu ra của hợp khối Johkaso.
- + NT3: Nước thải tại bể chứa của hệ thống xử lý nước thải sản xuất.
- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần, khi có sự cố hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường.
- Quy chuẩn so sánh:
 - + QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột A).
 - + QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp.
- c. Giám sát chất lượng nước ngầm*
 - Chỉ tiêu giám sát: pH, Độ cứng tổng số, Clorua, Amoni, Sulfat, Nitrat, Nitrit, Kẽm, Sắt, Coliform.
 - Vị trí lấy mẫu phân tích:
 - + NN: Mẫu nước dưới đất trong khuôn viên dự án.
 - Tần suất giám sát: 6 tháng/lần, khi có sự cố hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường.
 - Quy chuẩn so sánh:
 - + QCVN 09-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.
- d. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại*
 - Thông số giám sát: Khối lượng, chủng loại và hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải.
 - Vị trí giám sát: Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại
 - Tần suất giám sát: Thường xuyên và liên tục.
 - Quy định áp dụng:
 - + Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;
 - + Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

Phụ lục

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Mã số doanh nghiệp: 3101110004

Đăng ký lần đầu: ngày 02 tháng 12 năm 2021

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH GIA HOÀNG KHANG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 50A, Linh Giang, Phường Hải Thành, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình, Việt Nam

Điện thoại: 0966.657.888

Fax:

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ

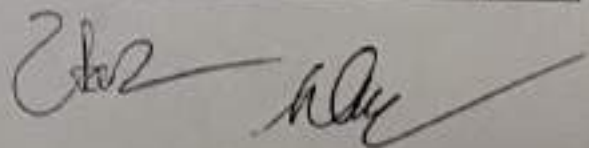
4.800.000.000 đồng

Bằng chữ: Bốn tỷ tám trăm triệu đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	LÊ TRỌNG TÍNH	Việt Nam	Tổ dân phố 5, Phường Hải Thành, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình, Việt Nam	2.600.000.000	54,167	04407700064 4	
2	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	Việt Nam	Tổ dân phố 5, Phường Hải Thành, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình, Việt Nam	2.200.000.000	45,833	04418100058 6	

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty



* Họ và tên: LÊ TRỌNG TÍNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc

Sinh ngày: 01/02/1977 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 044077000644

Ngày cấp: 28/05/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Tổ dân phố 5, Phường Hải Thành, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tổ dân phố 5, Phường Hải Thành, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình, Việt Nam

CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: 03-12-2021

Số chứng thực 12543 Quyển số 12 -SCT/BS

TRƯỞNG PHÒNG P5



Trần Chí Việt



CÔNG CHỨNG VIÊN
Trần Đình Phúc

Số: 333 /QĐ-KKT

Quảng Bình, ngày 18 tháng 3 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ
ĐỒNG THỜI CHẤP THUẬN NHÀ ĐẦU TƯ**
(Cấp lần đầu: Ngày 18 tháng 3 năm 2022)

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;
Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/04/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;
Căn cứ Quyết định số 18/2016/QĐ-UBND ngày 04/7/2016 của UBND tỉnh Quảng Bình quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Bình;
Căn cứ Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo của Công ty TNHH Gia Hoàng Khang, nộp ngày 23/02/2022;
Căn cứ ý kiến thẩm định dự án của Sở Công thương tại Văn bản số 314/SCT-QLCN ngày 07/3/2022, Sở Nông nghiệp - PTNT tại Văn bản số 375/SNN-KHTC ngày 04/3/2022, Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 481/STNMT-QLĐĐ ngày 17/3/2022, UBND huyện Quảng Ninh tại Văn bản số 145/UBND-KT ngày 09/3/2022;
Xét đề nghị của Tổ trưởng Tổ thẩm định đầu tư của Ban tại Báo cáo thẩm định số 308/KKT-QLĐT ngày 17/3/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư với nội dung như sau:

- **Nhà đầu tư:** Công ty TNHH Gia Hoàng Khang.
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3101110004
Cấp lần đầu: Ngày 02/12/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp.
Địa chỉ trụ sở chính: Số 50A, Linh Giang, phường Đồng Hải, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, Việt Nam.
Điện thoại: 0929555599
- **Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp đăng ký đầu tư:**

Ông: Lê Trọng Tinh Giới tính: Nam
Chức danh: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc
Sinh ngày 01 tháng 02 năm 1977, Dân tộc: kinh, Quốc tịch: Việt Nam.

Số giấy tờ pháp lý cá nhân số: 044077000644, cấp ngày 28/5/2021 tại Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ thường trú tại: TDP 5, phường Đồng Hải, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, Việt Nam.

2. Tên dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất chế tác đá tự nhiên.

3. Mục tiêu đầu tư:

Sản xuất chế tác đá tự nhiên, dự án góp phần thúc đẩy kinh tế xã hội và góp phần đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế của tỉnh Quảng Bình, tạo công ăn việc làm, tăng nguồn thu cho ngân sách địa phương.

4. Quy mô đầu tư:

Miêu tả quy mô bằng các tiêu chí:

4.1. Diện tích mặt bằng dự kiến sử dụng: **15.260 m²**.

4.2. Công suất thiết kế:

- Chế tác đá tự nhiên các loại: 20.000 Tấn sản phẩm/năm.

4.3. Sản phẩm, dịch vụ cung cấp:

- Các loại đá trang trí, đá xây dựng.

4.4. Quy mô kiến trúc xây dựng các hạng mục chính:

- Nhà xưởng sản xuất đá 1: Kết cấu thép, 01 tầng, diện tích khoảng 1.000 m²

- Nhà xưởng sản xuất đá 2: Kết cấu thép, 01 tầng, diện tích khoảng 1.000 m²

- Nhà trưng bày sản phẩm: Kết cấu thép, 01 tầng, diện tích khoảng 1.000 m²

- Nhà văn phòng, nhà nghỉ giữa ca công nhân, nhà ăn tập thể: Kết cấu bê tông cốt thép, 01 tầng, diện tích khoảng 500 m².

5. Tổng vốn đầu tư của dự án: 30.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Ba mươi tỷ đồng chẵn*), tương đương 1.300.000 USD,

Nguồn vốn đầu tư:

- Vốn tự có: 6.000.000.000 VNĐ (*Sáu tỷ đồng*), tương đương 260.000 USD.

- Vốn huy động: 24.000.000.000 VNĐ (*Hai mươi bốn tỷ đồng*), tương đương 1.040.000 USD.

6. Thời hạn hoạt động của dự án: 48 năm 5 tháng (Đến tháng 8 năm 2070).

7. Địa điểm đầu tư: Thuộc Lô đất C6 và C8, đồ án quy hoạch phân khu mở rộng Khu Công Nghiệp Tây Bắc Quán Hàu, xã Vĩnh Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

- Ranh giới lô đất được xác định như sau:

+ Phía Bắc giáp hành lang cây xanh trong KCN;

+ Phía Nam giáp đất xây dựng Nhà máy trong KCN;

+ Phía Đông giáp đất xây dựng Nhà máy trong KCN;

+ Phía Tây giáp trục đường 15m KCN.

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

Phân kỳ đầu tư:

- Giai đoạn 1:

+ Tháng 9/2022: Khởi công xây dựng: Nhà xưởng sản xuất 1, nhà văn phòng, nhà ăn nghỉ giữa ca công nhân, hàng rào.

+ Tháng 9/2023: Đi vào hoạt động.

Nguồn vốn đầu tư giai đoạn 1: 20.000.000.000 đồng (*Hai mươi tỷ đồng*).

- Giai đoạn 2:

+ Tháng 9/2023: Khởi công xây dựng: Nhà xưởng sản xuất 2, nhà trưng bày sản phẩm và hoàn thiện các công trình phụ trợ.

+ Tháng 5/2024: Đi vào hoạt động.

Nguồn vốn đầu tư giai đoạn 2: 10.000.000.000 đồng (*Mười tỷ đồng*).

9. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư:

Dự án đầu tư được hưởng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư theo quy định hiện hành của Chính phủ và của tỉnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của Nhà đầu tư trong việc triển khai thực hiện dự án đầu tư:

1.1. Nhà đầu tư có trách nhiệm ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án trước khi thực hiện thủ tục giao đất/cho thuê đất/chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định của Luật Đầu tư.

1.2. Thực hiện công tác bảo vệ môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản có liên quan.

1.3. Đáp ứng và duy trì việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật trong suốt thời gian hoạt động của Dự án.

1.4. Tuân thủ các quy định hiện hành về đầu tư, xây dựng, đất đai, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ, rà phá bom mìn, an toàn lao động, đấu nối giao thông, hàng lang bảo vệ an toàn giao thông ... và các quy định pháp luật có liên quan khác.

1.5. Đảm bảo góp vốn và huy động vốn đầu tư đầy đủ, đúng tiến độ để thực hiện Dự án như đã cam kết.

1.6. Nhà đầu tư có trách nhiệm cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan vào Hệ thống thông tin Quốc gia về đầu tư, thực hiện chế độ báo cáo hoạt động đầu tư theo quy định. Chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

1.7. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Cam kết chịu mọi chi phí, rủi ro nếu dự án không được thực hiện. Chịu trách nhiệm về những thiệt hại phát sinh từ hành vi kê khai thông tin không chính xác, giả mạo nội dung hồ sơ tài liệu.

1.8. Dự án sẽ chấm dứt hoạt động theo quy định của Luật Đầu tư và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

1.9. Sau khi có Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư, nhà đầu tư có trách nhiệm thực hiện thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng rừng; nộp tiền trồng rừng thay thế theo quy định của Luật Lâm nghiệp năm 2017.

Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư là thủ tục ban đầu để Nhà đầu tư có cơ sở thực hiện các thủ tục tiếp theo nhằm đảm bảo các điều kiện pháp lý triển khai đầu tư Dự án. Trong quá trình thực hiện

các thủ tục này, Nhà đầu tư phải tuân thủ các quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan đến Dự án.

2. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc triển khai thực hiện dự án đầu tư:

Các Sở ban ngành, địa phương và đơn vị có liên quan phối hợp, hướng dẫn và yêu cầu Nhà đầu tư thực hiện các thủ tục đầu tư đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và chủ trương đầu tư Dự án.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Thời điểm có hiệu lực của quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Trong thời gian 12 tháng kể từ ngày ký Quyết định này mà nhà đầu tư không triển khai đầu tư dự án, hoặc không thực hiện ký quỹ/nộp chứng thư bảo lãnh theo quy định thì Quyết định này hết hiệu lực thi hành và Ban Quản lý Khu kinh tế sẽ thực hiện chấm dứt dự án theo quy định của Luật Đầu tư.

3. Các Sở ban ngành, địa phương và đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

4. Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư này được thành lập thành 02 (hai) bản gốc. Nhà đầu tư: Công ty TNHH Gia Hoàng Khang được cấp 01 (một) bản và 01 (một) bản lưu tại Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Bình./.

Nơi nhận:

- Như khoản 3, 4 Điều 3;
- UBND tỉnh (B/cáo);
- Sở Kế hoạch và Đầu tư (Ph/h);
- UBND huyện Quảng Ninh;
- UBND xã Vĩnh Ninh;
- Lãnh đạo Ban;
- Các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc Ban;
- Lưu: VT, QLĐT.



TRƯỞNG BAN

Phan Văn Thường



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *2762* /QĐ-UBND

Quảng Bình, ngày *07* tháng *8* năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch phân khu mở rộng Khu công nghiệp
Tây Bắc Quán Hàu, tỷ lệ 1/2000**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;
Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;
Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
Căn cứ Quyết định số 1107/QĐ-TTg ngày 21/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển các Khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020; Công văn số 1225/TTg-KTN ngày 10/7/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung Quy hoạch phát triển các Khu công nghiệp tỉnh Quảng Bình;
Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;
Căn cứ Quyết định số 1538/QĐ-CT ngày 06/7/2012 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Đồng Hới và vùng phụ cận đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035;
Căn cứ Quyết định số 3156/QĐ-UBND ngày 07/9/2017 của UBND tỉnh về việc thành lập Khu Công nghiệp Tây Bắc Quán Hàu, tỉnh Quảng Bình;
Căn cứ Quyết định số 4169/QĐ-UBND ngày 29/11/2018 của UBND tỉnh về phê duyệt dự toán chi phí Quy hoạch phân khu mở rộng Khu Công nghiệp Tây Bắc Quán Hàu, tỷ lệ 1/2000;
Xét Tờ trình số 715/TTr-KKT ngày 26/6/2020 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh về việc xin phê duyệt Quy hoạch phân khu mở rộng Khu công nghiệp Tây Bắc Quán Hàu, tỷ lệ 1/2000;
Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 2473/BC-SXD ngày 24/7/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phân khu mở rộng Khu công nghiệp Tây Bắc Quán Hàu, tỷ lệ 1/2000, với những nội dung chính sau:

1. Vị trí, phạm vi ranh giới: Khu vực lập quy hoạch thuộc xã Vĩnh Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình, có ranh giới được xác định như sau:

- Phía Đông giáp khu dân cư và đường sắt Bắc-Nam;
- Phía Bắc giáp đất rừng sản xuất và khu dân cư;
- Phía Tây giáp đường Hồ Chí Minh;
- Phía Nam giáp đường quy hoạch 32,0m.

2. Quy mô: Khu vực lập quy hoạch có diện tích 41,5 ha.

3. Tính chất khu vực quy hoạch: Là phân khu mở rộng của khu công nghiệp Tây Bắc Quán Hàu, trong đó tổ chức các chức năng nhà máy công nghiệp (có cấp độc hại cấp V) theo hướng đa ngành, công nghệ sạch, tiên tiến và thân thiện với môi trường. Tổ chức kết nối chặt chẽ với các phân khu A, B, C (đã có) nhằm quản lý thống nhất về cơ cấu chức năng và đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật cho toàn bộ khu công nghiệp sau khi mở rộng.

4. Quy hoạch sử dụng đất: Các chức năng và chỉ tiêu quy hoạch được quy định như sau:

TT	Chức năng sử dụng đất	Ký hiệu	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Mật độ xây dựng tối đa (%)	Tầng cao tối đa (tầng)	Hệ số sử dụng đất tối đa (làn)
1.	Đất xây dựng nhà máy công nghiệp có cấp độc hại cấp V, gồm:		25,16	60,6			
1.1	Lô đất số 1	C1	3,91		55,0	03	1,65
1.2	Lô đất số 2	C2	4,33		55,0	03	1,65
1.3	Lô đất số 3	C3	3,85		55,0	03	1,65
1.4	Lô đất số 4	C4	3,07		55,0	03	1,65
1.5	Lô đất số 5	C5	3,25		55,0	03	1,65
1.6	Lô đất số 6	C6	2,02		55,0	03	1,65
1.7	Lô đất số 7	C7	2,43		55,0	03	1,65
1.8	Lô đất số 8	C8	2,30		55,0	03	1,65
2.	Đất quản lý, điều hành	QL	0,78	1,9	45,0	03	1,35
3.	Đất hạ tầng kỹ thuật	HTKT	1,23	3,0	50,0	02	1,00
4.	Đất cây xanh, gồm:		1,24	3,0			
4.1	Lô đất số 1	CX1	0,69		5,0	01	0,05
4.2	Lô đất số 2	CX2	0,55		5,0	01	0,05
5.	Đất cây xanh cách ly, gồm:		3,24	7,8			
5.1	Lô đất số 1	CXCL1	0,84		5,0	01	0,05
5.2	Lô đất số 2	CXCL2	1,64		5,0	01	0,05
5.3	Lô đất số 3	CXCL3	0,19		5,0	01	0,05
5.4	Lô đất số 4	CXCL4	0,57		5,0	01	0,05
6.	Đất sông suối mặt nước	MN	0,63	1,5			

7.	Đất hành lang đường bộ, gồm:		0,89	2,1			
7.1	Lô đất số 1	HLĐB1	0,37				
7.2	Lô đất số 2	HLĐB2	0,32				
7.3	Lô đất số 3	HLĐB3	0,20				
8.	Đất giao thông		8,33	20,1			
Tổng diện tích			41,50	100,0			

5. Tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan

5.1. Tổ chức không gian: Trên cơ sở tổng thể khu công nghiệp được định hướng tại đồ án quy hoạch chung, tổ chức các chức năng chính như sau:

- Khu vực quản lý và điều hành nằm ở phía Nam khu quy hoạch, tiếp giáp đường quy hoạch 32,0m.

- Khu vực nhà máy, cơ sở sản xuất, kho tàng và bãi tập kết bố trí dọc theo trục Bắc Nam khu quy hoạch, trong khu vực có các dải cây xanh cách ly tại các hướng tiếp giáp khu dân cư và ga Lê Kỳ.

- Khu vực hồ nước điều hòa và đất hạ tầng kỹ thuật nằm giữa khu vực.

5.2. Giải pháp tổ chức kiến trúc, cảnh quan:

- Khu vực quản lý và điều hành: Tổ chức không gian các công trình theo hướng hợp khối hoặc phân tán, giải pháp kiến trúc hiện đại.

- Khu vực hạng mục nhà máy, cơ sở sản xuất, kho tàng và bãi tập kết: Bố trí tổng mặt bằng phù hợp với sơ đồ công nghệ và kế hoạch mở rộng của nhà đầu tư hoặc phân kỳ đầu tư của dự án. Lựa chọn vật liệu xây dựng phù hợp với từng đặc điểm của nhà xưởng sản xuất.

- Khu vực cây xanh cách ly và cây xanh cảnh quan: Duy trì và bảo vệ hệ sinh thái tự nhiên, trong khu vực bố trí các khu vực hoạt động thể thao công cộng, các điểm nghỉ và cây xanh.

6. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

6.1. San nền, thoát nước mưa:

a) San nền: Cao độ nền phù hợp cao độ tim đường, đảm bảo thiết kế kỹ thuật của đường, cao độ san nền từ +4,5m đến +8,0m, độ dốc san nền $\geq 0,4\%$.

b) Thoát nước mưa: Xây dựng hệ thống thoát nước mưa riêng hoàn toàn, độc lập với nước thải. Bố trí tuyến mương thoát dọc theo hành lang an toàn giao thông tuyến đường Hồ Chí Minh, đường trong khu công nghiệp, thu gom và thoát về phía khe suối thoát nước hiện có ở giữa khu vực. Tại các điểm giao cắt, chuyển hướng, điểm thu nước bố trí các hố ga, khoảng cách giữa các hố thu từ 35m đến 45m.

6.2. Giao thông:

a) Giao thông đối ngoại: Kết nối với khu vực quy hoạch có các tuyến chính, gồm: đường Hồ Chí Minh (đoạn qua khu quy hoạch) rộng 47,5m ở phía Đông; tuyến đường rộng 32,0m ở phía Nam khu vực quy hoạch.

b) Giao thông nội bộ: Quy hoạch mạng lưới các tuyến đường phân khu vực có chiều rộng 15,0m kết nối các khu chức năng và kết nối với tuyến giao thông đối ngoại.

6.3. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

- Khu vực quy hoạch dùng hệ thống thoát nước thải riêng hoàn toàn, nước thải từ các khu sản xuất, sinh hoạt của công nhân được dẫn vào tuyến cống thoát riêng biệt dọc theo các tuyến đường nội bộ, hướng thoát về trạm bơm nâng cốt 320m³/ng.đêm đặt tại khu đất cây xanh, từ đây trung chuyển lên trạm xử lý nước thải chung của khu công nghiệp tại khu A, B.

- Chất thải rắn, rác thải sinh hoạt phân loại, thu gom vào các thùng rác bố trí cho từng khu chức năng và được đưa ra điểm tập kết rác thải bên ngoài khu vực quy hoạch theo quy định, từ đó thu gom, vận chuyển về khu xử lý rác chung theo quy định.

6.4. Cấp nước: Nguồn nước lấy từ hệ thống cấp nước thành phố Đồng Hới, đầu nối với tuyến ống D200 dọc theo tuyến đường Hồ Chí Minh theo đồ án quy hoạch chung được duyệt. Mạng lưới cấp nước được thiết kế mạng vòng đảm bảo cấp nước an toàn và liên tục, phục vụ sản xuất, sinh hoạt và cứu hỏa. Bố trí các họng cứu hỏa tại các nút giao thông, khoảng cách các họng cứu hỏa từ 120m đến 150m.

6.5. Cấp điện: Giai đoạn đầu nguồn điện cấp cho khu vực quy hoạch lấy từ đường dây 22kV xuất tuyến 472 Đồng Hới, về lâu dài nguồn điện lấy từ trạm biến áp 110kV đặt ở khu B khu công nghiệp 110/35/22kV:2x25MVA. Xây dựng mới các tuyến điện 22KV, sử dụng cáp bọc đi trên hệ cột bê tông ly tâm.

6.6. Thông tin liên lạc: Sử dụng tuyến cáp quang từ trạm chuyển mạch Quán Hâu đến kết nối với tổng đài vệ tinh, bố trí một tuyến cáp quang tốc độ cao riêng để điều khiển tín hiệu tốc độ cao phục vụ hệ thống điều khiển của khu sản xuất công nghiệp.

Điều 2. Ban hành theo Quyết định này Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch phân khu mở rộng Khu công nghiệp Tây Bắc Quán Hâu, tỷ lệ 1/2000.

Điều 3. Giao Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh tổ chức công bố, công khai đồ án quy hoạch theo quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Công Thương, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông Vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan; Trưởng ban Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Quảng Ninh; Chủ tịch UBND xã Vĩnh Ninh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Lưu VT, CVXDCCB

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Xuân Quang

**QUY ĐỊNH QUẢN LÝ THEO ĐỒ ÁN QUY HOẠCH PHÂN KHU
MỞ RỘNG KHU CÔNG NGHIỆP TÂY BẮC QUÁN HẦU,
TỶ LỆ 1/2.000.**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 176/QĐ-UBND ngày 07/8/2020
của UBND tỉnh Quảng Bình).*

Phần I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng áp dụng.

- Các cơ quan quản lý nhà nước trực thuộc UBND tỉnh, UBND huyện Quảng Ninh, UBND xã Vĩnh Ninh.
- Các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có liên quan đến hoạt động xây dựng và tham gia vào hoạt động quản lý quy hoạch xây dựng trong phạm vi ranh giới của đồ án Quy hoạch phân khu mở rộng Khu công nghiệp Tây Bắc Quán Hâu, tỷ lệ 1/2000 phải thực hiện theo đúng Quy định này.

Điều 2. Vị trí ranh giới, quy mô

1. Vị trí, phạm vi ranh giới: Khu vực lập quy hoạch thuộc xã Vĩnh Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình, có ranh giới được xác định như sau:
 - Phía Đông giáp khu dân cư và đường sắt Bắc-Nam;
 - Phía Bắc giáp đất rừng sản xuất và khu dân cư;
 - Phía Tây giáp đường Hồ Chí Minh;
 - Phía Nam giáp đường quy hoạch 32,0m.
2. Quy mô đất đai: Khu vực lập quy hoạch có diện tích 41,5 ha.

Điều 3. Phạm vi quản lý

- Văn bản này quy định hướng dẫn việc quản lý, đầu tư xây dựng và sử dụng các công trình theo theo đồ án Quy hoạch phân khu mở rộng Khu công nghiệp Tây Bắc Quán Hâu, tỷ lệ 1/2000.
- Quy định quản lý này được sử dụng kết hợp với thuyết minh, bản vẽ của hồ sơ đồ án “ Quy hoạch phân khu mở rộng Khu công nghiệp Tây Bắc Quán Hâu, tỷ lệ 1/2.000” đã được phê duyệt. Ngoài những nội dung trong Quy định này, việc quản lý đầu tư xây dựng, kiến trúc cảnh quan trong đồ án Quy hoạch phân khu mở rộng Khu công nghiệp Tây Bắc Quán Hâu, tỷ lệ 1/2.000 còn phải tuân thủ các Quy chuẩn về xây dựng, Tiêu chuẩn thiết kế và các quy định khác của Nhà nước có liên quan
- Khi có sự thay đổi khác với Quy định này, cần có ý kiến chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.
- Việc điều chỉnh, bổ sung hoặc thay đổi các nội dung Quy định này phải báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Phần II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Những quy định cụ thể dưới đây được áp dụng đối với các khu chức năng trong đồ án Quy hoạch phân khu mở rộng Khu công nghiệp Tây Bắc Quán Hâu, tỷ lệ 1/2000.

Điều 4. Quy định về không gian, cảnh quan

- Đối với khu vực quản lý và điều hành: Tổ chức theo hướng hợp khối hoặc phân tán, phương án kiến trúc hiện đại, gắn gũi với kiến trúc địa phương.

- Đối với khu vực xây dựng nhà máy, cơ sở sản xuất, kho tàng và bãi tập kết: Các công trình phải phù hợp về quy mô cũng như các yếu tố kỹ thuật, diện tích sử dụng theo tiêu chuẩn quy định, giải pháp tổ chức dây chuyền sản xuất phù hợp với từng đặc điểm của nhà xưởng sản xuất do nhà đầu tư lựa chọn.

- Khu vực cây xanh cách ly: Yêu cầu thực hiện đồng bộ, lựa chọn chủng loại cây xanh phù hợp với khí hậu tại địa phương.

- Khu vực cây xanh cảnh quan: Duy trì và bảo vệ hệ sinh thái tự nhiên, trong khu vực bố trí các khu vực hoạt động thể thao công cộng, các điểm nghỉ và cây xanh.

- Đối với hạ tầng kỹ thuật: Quỹ đất giành cho hệ thống hạ tầng kỹ thuật được lựa chọn theo phương án quy hoạch là để tận dụng triệt để, khai thác quỹ đất một cách có hiệu quả nhất và đảm bảo được các yếu tố kỹ thuật cho các khu chức năng trong phương án quy hoạch. Các công trình ở đây gồm hệ thống đường giao thông, hệ thống cấp, thoát nước thải, cấp điện.

Điều 5. Quy định về hệ thống hạ tầng kỹ thuật

1. Về san nền và thoát nước mặt: Cần tuân thủ cốt cao độ đối với từng ô phố đã quy định tại bản đồ Quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt. Giải pháp thoát nước mặt cần đảm bảo tuân thủ theo nội dung đồ án quy hoạch này và lưu vực thoát nước.

2. Về giao thông: Các công trình giao thông và công trình phụ trợ giao thông trong khu vực quy hoạch phải được thiết kế đồng bộ bảo đảm thuận lợi cho người và phương tiện tham gia giao thông.

3. Về cấp điện và chiếu sáng đô thị:

- Việc xây dựng các công trình đường dây tải điện và trạm biến áp phải được cấp thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp chưa phù hợp với quy hoạch phải có ý kiến chấp thuận bổ sung quy hoạch của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch phát triển điện lực. Các trạm biến áp cần có thiết kế phù hợp, khuyến khích sử dụng công nghệ mới, đảm bảo an toàn, tiện dụng và mỹ quan.

- Dây cáp điện trong khu vực quy hoạch phải được bố trí hợp lý bằng dây có bọc cách điện.

- Lưới điện trong khu vực quy hoạch phải phù hợp với quy định chuyên ngành hiện hành.

4. Về thông tin liên lạc:

- Dây điện thoại, dây thông tin, truyền hình cáp, Internet phải sử dụng tổ hợp dây có cùng tính năng kỹ thuật.

- Công trình viễn thông công cộng, công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông,

hợp kỹ thuật thông tin, thiết bị thông tin trên via hệ phải được bố trí theo đồ án quy hoạch này được duyệt.

5. Về cấp, thoát nước thải và xử lý chất thải rắn đô thị:

- Công trình cấp, thoát nước và xử lý chất thải rắn phải được thiết kế, xây dựng, lắp đặt đồng bộ, sử dụng vật liệu thích hợp, đúng quy cách, bền vững, đảm bảo vệ sinh môi trường, an toàn và thuận tiện cho người và phương tiện giao thông.

- Bờ hồ trong khu vực cần được kê mái, cấu tạo miệng xả nước bảo đảm an toàn, vệ sinh, phù hợp với cảnh quan xung quanh.

- Thùng thu rác trên các tuyến đường phải được bố trí hợp lý, đồng bộ, có kích thước, kiểu dáng thích hợp, sử dụng thuận tiện và dễ nhận biết.

Điều 6. Quy định về chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng.

- Chỉ giới đường đỏ được xác định trên cơ sở tìm đường quy hoạch, mặt cắt ngang đường, kích thước các góc vát và điều kiện khống chế ghi trực tiếp trên bản vẽ.

- Chỉ giới xây dựng được nghiên cứu trên trong quá trình lập quy hoạch chi tiết xây dựng dự án, yêu cầu đảm bảo đồng bộ cho toàn khu vực.

Phần III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Mọi vi phạm các nội dung trong quy định này tùy theo hình thức và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý vi phạm theo các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 8. Các cơ quan có trách nhiệm quản lý xây dựng căn cứ đồ án Quy hoạch phân khu mở rộng Khu công nghiệp Tây Bắc Quán Hàu, tỷ lệ 1/2000 và Quy định này để tổ chức kiểm tra và hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực hiện đầu tư xây dựng, quản lý theo quy hoạch kiến trúc và quy định của pháp luật.

Điều 9. Quy định quản lý được lưu trữ tại các cơ quan sau đây để các tổ chức, cơ quan và cá nhân được biết và thực hiện: Văn phòng UBND tỉnh; Sở Xây dựng; Sở Tài nguyên và Môi trường; Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; UBND huyện Quảng Ninh; UBND xã Vĩnh Ninh./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

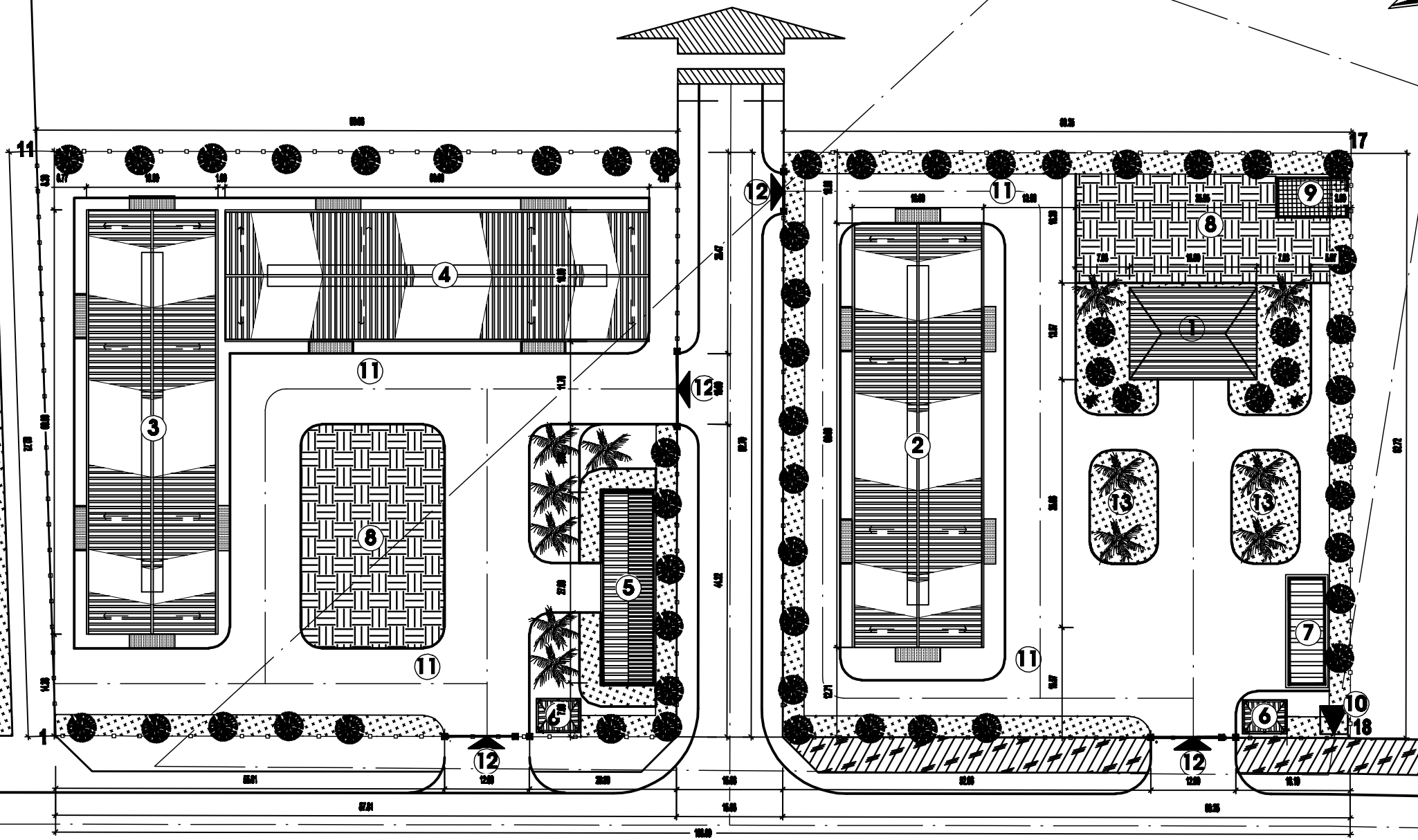
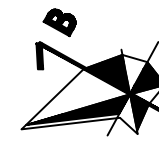


Nguyễn Xuân Quang



NHÀ MÁY SẢN XUẤT CHẾ TÁC ĐÁ TỰ NHIÊN GIA HOÀNG KHANG

MẶT BẰNG TỔNG THỂ NHÀ MÁY



D01/A3
7.587

CÔNG TY QUẢN LÝ HẠ TẦNG:


CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH GIA HOÀNG KHANG


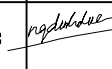
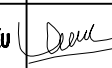
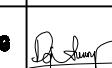
ĐC: SỐ 50A, LINH GIANG, PHƯỜNG HẢI THÀNH
TP ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

CÔNG TRÌNH
NHÀ MÁY SX CHẾ TÁC ĐÁ TỰ NHIÊN

HẠNG MỤC:
THỎA THUẬN ĐẦU NỐI

ĐỊA ĐIỂM
KCN TÂY ĐẮC QUẢN HẢI, XÃ VĨNH NINH
HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH


ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
CÔNG TY TNHH TVKT QUẢNG BÌNH
 ĐC: TT. HOÀN LÃO, BỐ TRẠCH, QUẢNG BÌNH
 ĐT: 082.570057; FAX: 082.570057

P. GIÁM ĐỐC:	TRẦN ANH TUẤN	
CTK. TRÚC:	NGUYỄN BÌNH BỨC	
CTK. CẦU:	HOÀNG TRỌNG HIẾU	
THIẾT KẾ:	DƯƠNG MẠNH HỒNG	

GHI CHÚ:

HẠNG MỤC XÂY DỰNG	DT (M ²)	HẠNG MỤC XÂY DỰNG	DT (M ²)	HẠNG MỤC XÂY DỰNG	DT (M ²)
① NHÀ VĂN PHÒNG	218.6	⑥ NHÀ BẢO VỆ	35	⑪ SÀN ĐƯỜNG NỘI BỘ VÀ HẠ TẦNG	6880.8
② NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT 1	1185.0	⑦ NHÀ XE	96	⑫ CỐNG HÀNG RÀO	-
③ NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT 2	1185.0	⑧ BÃ CHỨA VẬT LIỆU	1223.9	⑬ ĐẤT CÂY XANH	3060.0
④ NHÀ TRUNG BÀY SẢN PHẨM	1185.0	⑨ BỂ NƯỚC PCCC	50		
⑤ NHÀ ĂN VÀ NGHỈ CA	215.7	⑩ TRẠM BIẾN ÁP	25		

CÁC THÔNG SỐ QUA HOẠCH

DIỆN TÍCH KHU ĐẤT: $S_{KD} = 15260 \text{ M}^2$

TỔNG DIỆN TÍCH XÂY DỰNG: $S_{XD} = 5344.2 \text{ M}^2$

MẬT ĐỘ XÂY DỰNG: $\frac{S_{XD}}{S_{KD}} = 35.02\%$

GIẢI ĐOẠN THỰC HIỆN

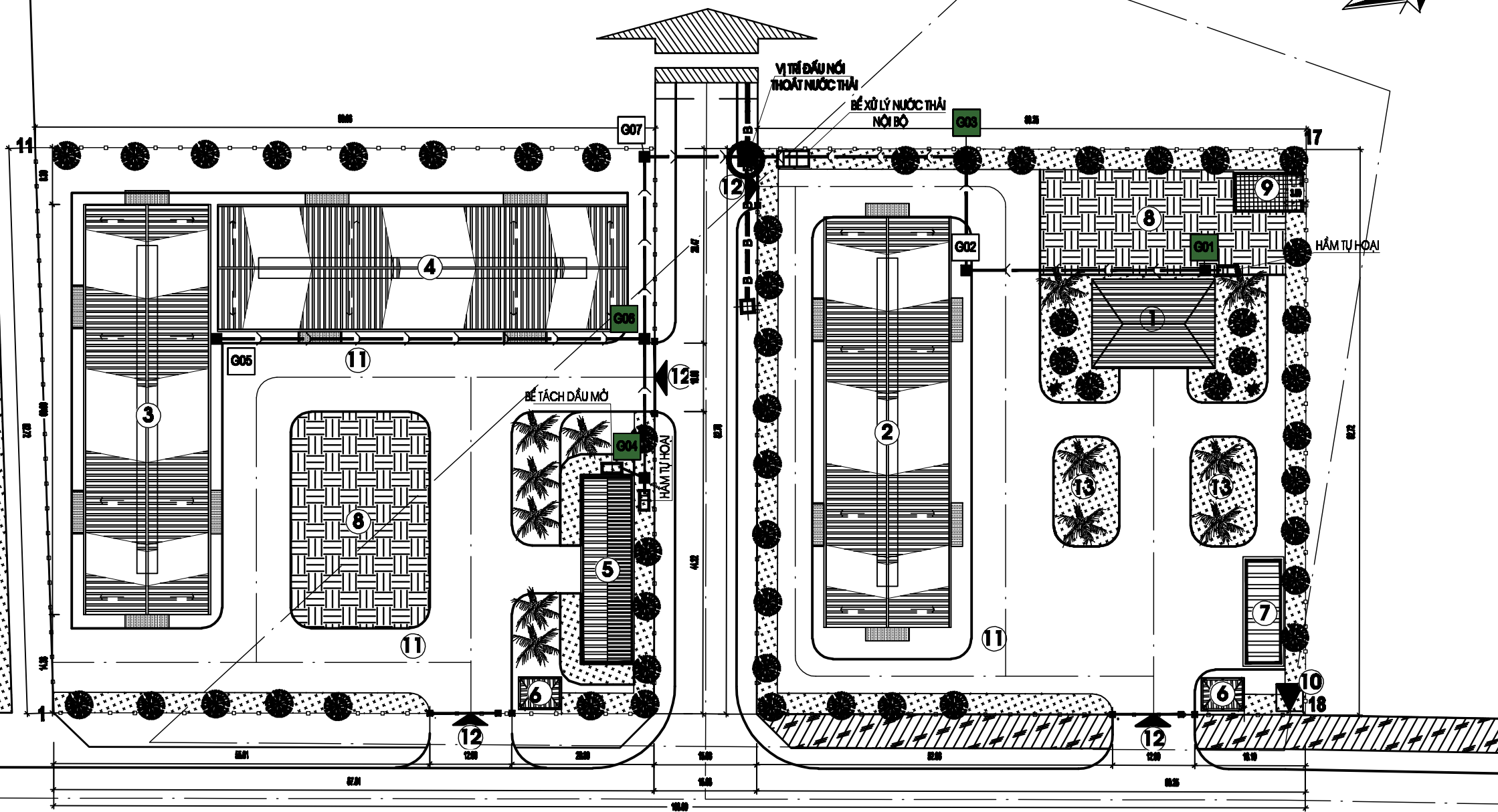
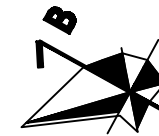
HỒ SƠ BÁO CÁO NCKT

TÊN BẢN VẼ:
MẶT BẰNG TỔNG THỂ

TỶ LỆ:	NGÀY:	HD. SỐ:	BẢN VẼ:
1/1	2022		TT: 02
AS			

NHÀ MÁY SẢN XUẤT CHẾ TÁC ĐÁ TỰ NHIÊN GIA HOÀNG KHANG

MẶT BẰNG TỔNG THỂ THOÁT NƯỚC THẢI



D01/3
7.487

GHI CHÚ

- TOÀN BỘ NƯỚC THẢI CỦA NHÀ MÁY BƯỚC XỬ LÝ THÔNG QUA HỆ THỐNG BỂ LẮNG, LỌC NỘI BỘ RỒI THOÁT RA HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI CỦA KHU KINH TẾ
- — — TUYẾN THOÁT NƯỚC THẢI NHÀ MÁY D200
- — — HÀNG RÀO NHÀ MÁY
- B — B — TUYẾN THOÁT NƯỚC THẢI QUY HOẠCH

CÔNG TY QUẢNG LÝ HẠ TẮNG:

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH GIA HOÀNG KHANG

ĐC: SỐ 50A, LĨNH GIANG, PHƯỜNG HẢI THÀNH
TP ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

CÔNG TRÌNH
NHÀ MÁY SX CHẾ TÁC ĐÁ TỰ NHIÊN


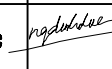
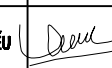
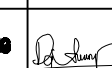
HẠNG MỤC:
THỎA THUẬN ĐẦU NỐI

ĐỊA ĐIỂM
KCN TÂY BẮC QUẢNG HẢI, XÃ VINH MINH
HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH



ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
CÔNG TY TNHH TVKT QUẢNG BÌNH

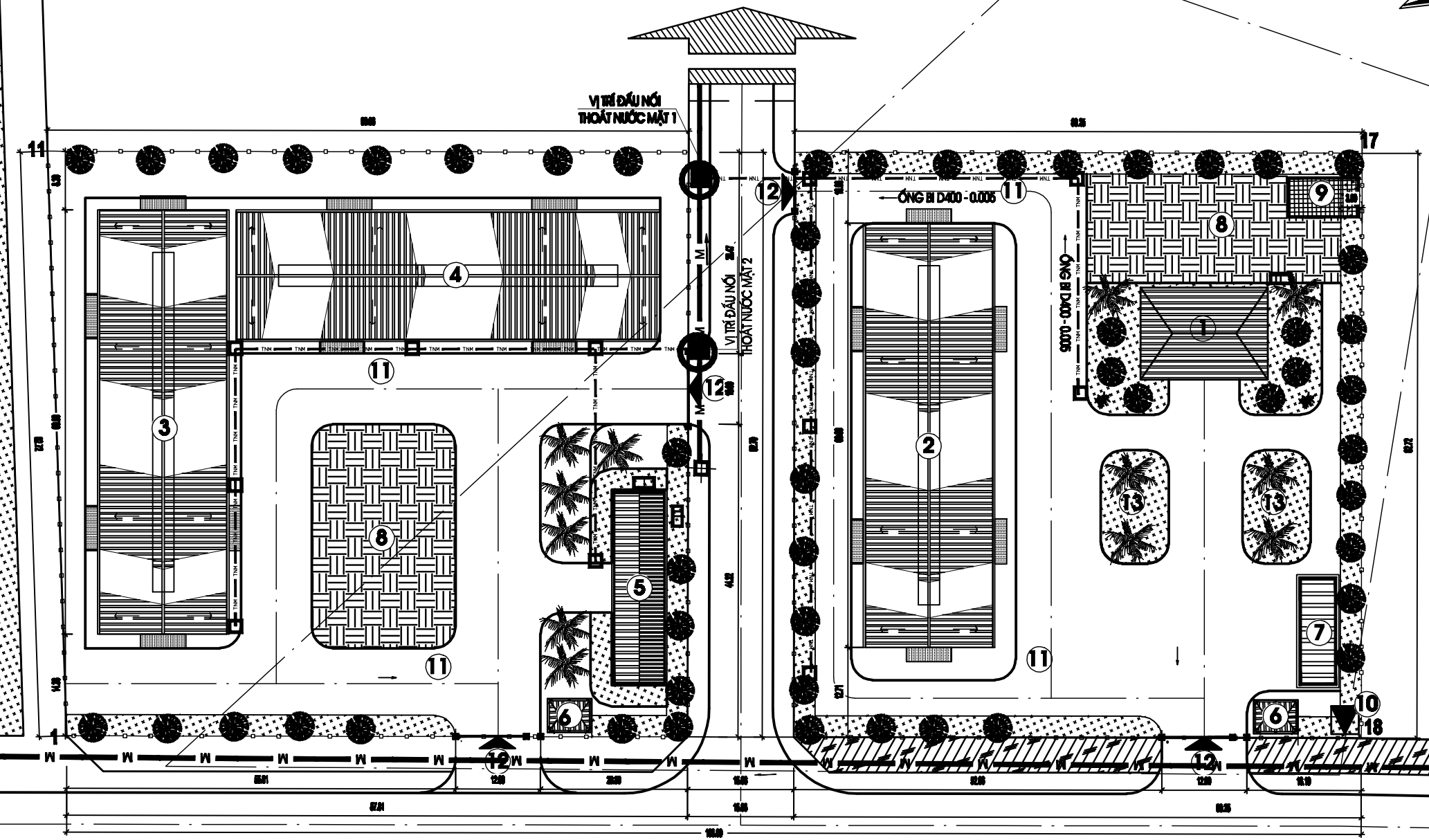
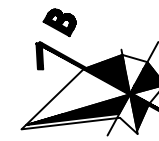
ĐC: TT HOÀN LẠO, BỐ TRẠCH, QUẢNG BÌNH
ĐT: 092.370067; FAX: 092.370067

P. GIÁM ĐỐC	TRẦN ANH TUẤN	
CTK. TRƯỚC	NGUYỄN BÌNH ĐỨC	
CTK. CẦU	HOÀNG TRỌNG HIẾU	
THIẾT KẾ	DƯƠNG MẠNH HỒNG	

GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN			
HỒ SƠ BÁO CÁO NCKT			
TÊN BẢN VẼ:			
MẶT BẰNG TỔNG THỂ THOÁT NƯỚC THẢI			
TỶ LỆ	NGÀY	HB. SỐ	BẢN VẼ
1/1	2022		TT: 08
A3			

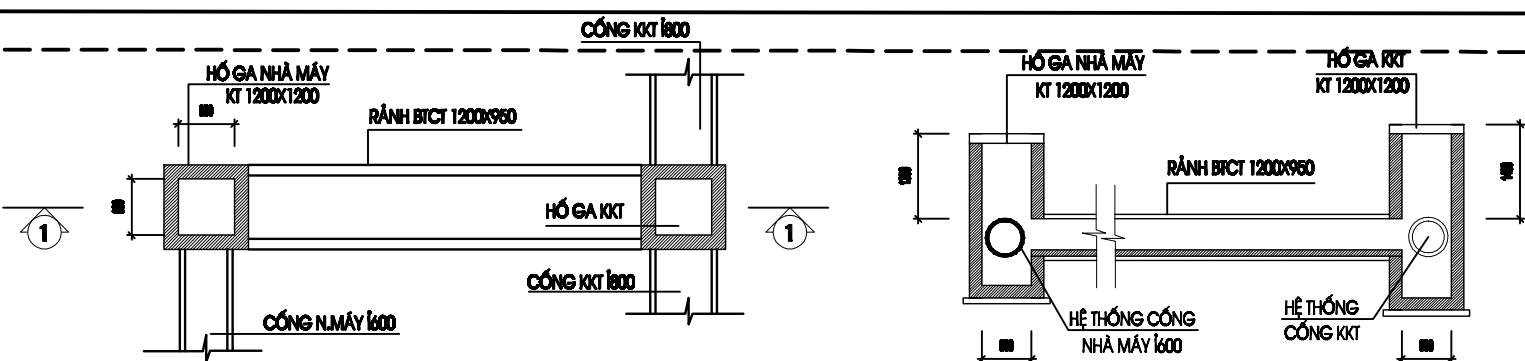
NHÀ MÁY SẢN XUẤT CHẾ TÁC ĐÁ TỰ NHIÊN GIA HOÀNG KHANG

MẶT BẰNG TỔNG THỂ THOÁT NƯỚC MẶT



CHI TIẾT ĐẦU NỐI THOÁT NƯỚC MẶT TỪ NHÀ MÁY VÀO TUYẾN THOÁT NƯỚC KKT

MẶT CẮT 1-1



GHI CHÚ:

- TUYẾN THOÁT NƯỚC MẶT
- TUYẾN THOÁT NƯỚC MẶT GH
- HÀNG RÀO NHÀ MÁY

CÔNG TY QUẢN LÝ HẠ TẦNG:

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH GIA HOÀNG KHANG

ĐC: SỐ 50A, LINH GIANG, PHƯỜNG HẢI THÀNH
TP ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

CÔNG TRÌNH
NHÀ MÁY SX CHẾ TÁC ĐÁ TỰ NHIÊN

HẠNG MỤC:
THỎA THUẬN ĐẦU NỐI

ĐỊA ĐIỂM
KCN TÂY ĐẮC QUẬN HẢI, XÃ VĨNH NINH
HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH



ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
CÔNG TY TNHH TVKT QUẢNG BÌNH

ĐC: TT. HOÀN LẠO, BỐ TRẠCH, QUẢNG BÌNH
ĐT: 082.5700657; FAX: 082.5700057

P. GIÁM ĐỐC	TRẦN ANH TUẤN	
CHK. TRƯỚC	NGUYỄN BÌNH BỨC	
CHK. CẦU	HOÀNG TRỌNG HIẾU	
THIẾT KẾ	DƯƠNG MẠNH HỒNG	

GIẢI ĐOẠN THỰC HIỆN

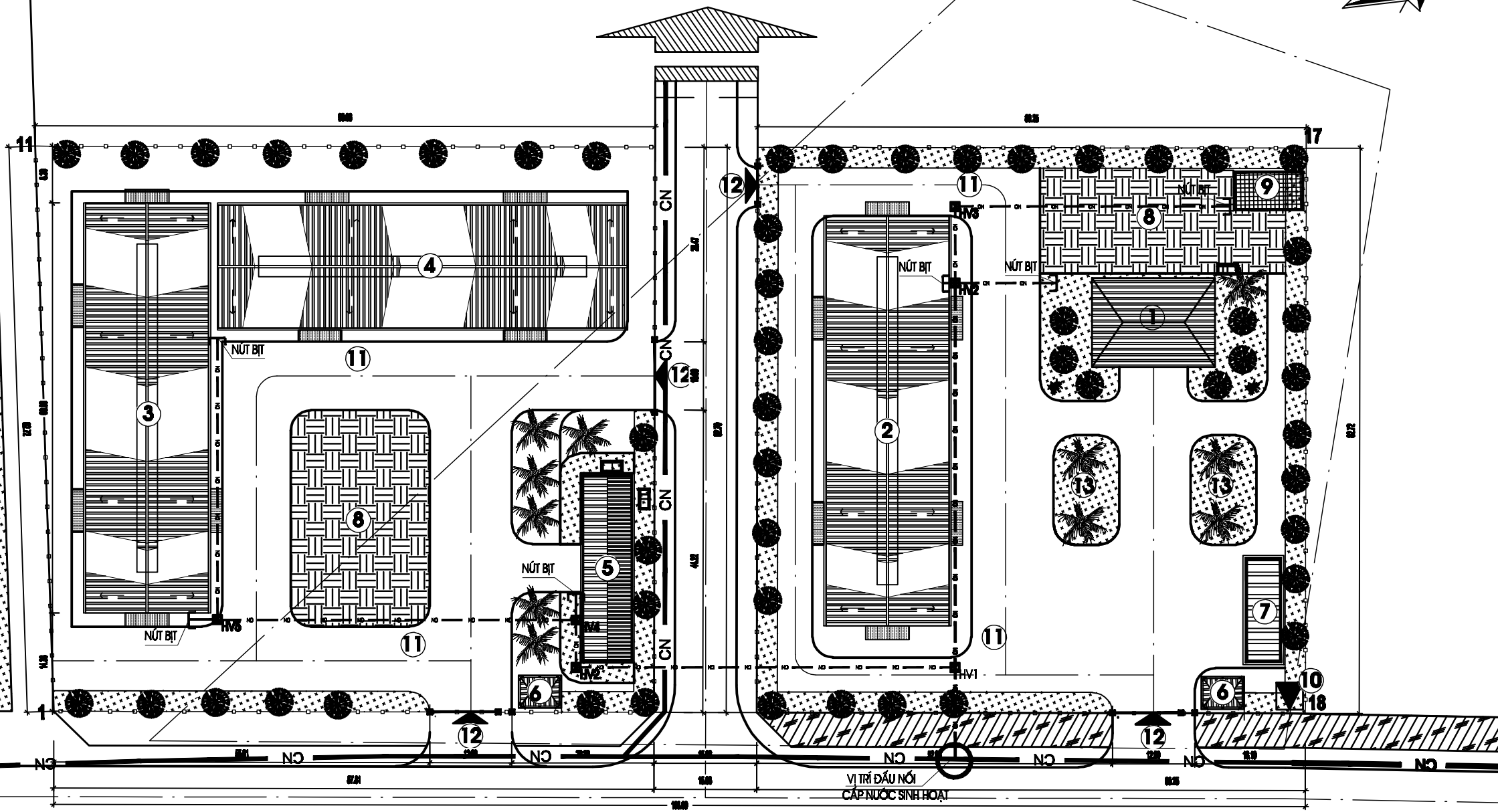
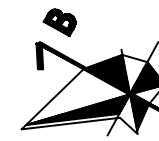
HỒ SƠ BÁO CÁO NCKT

TÊN BẢN VẼ:
MẶT BẰNG TỔNG THỂ THOÁT NƯỚC MẶT

TỶ LỆ	NGÀY	HĐ. SỐ	BẢN VẼ
1/1	2022		TT: 04
AS			

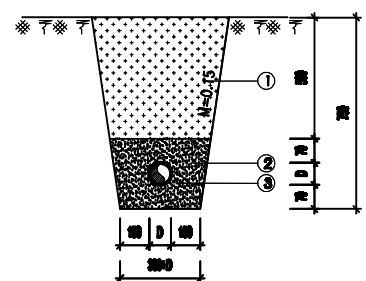
NHÀ MÁY SẢN XUẤT CHẾ TÁC ĐÁ TỰ NHIÊN GIA HOÀNG KHANG

MẶT BẰNG TỔNG THỂ CẤP NƯỚC SINH HOẠT



D01/A3
7.487

RĂNG CHÔN ỐNG CẤP NƯỚC QUA ĐƯỜNG



- ① ĐÁO LẤP ĐẤT ĐẪM CHẶT K=0,85
- ② ĐÁP CÁT ĐẪM CHẶT K=0,85
- ③ ỐNG KẼM D=110MM

GHI CHÚ:
 —○— ĐƯỜNG ỐNG CẤP NƯỚC
 ——— ĐƯỜNG ỐNG CẤP NƯỚC GH
 □ □ □ HẰNG RÀO NHÀ MÁY

CÔNG TY QUẢN LÝ HẠ TẦNG:


CHỦ ĐẦU TƯ
 CÔNG TY TNHH GIA HOÀNG KHANG

ĐC: SỐ 50A, LINH GIANG, PHƯỜNG HẢI THÀNH
 TP ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

CÔNG TRÌNH
 NHÀ MÁY SX CHẾ TÁC ĐÁ TỰ NHIÊN





HẠNG MỤC:
 THỎA THUẬN ĐẦU NỐI

ĐỊA ĐIỂM
 KCN TÂY ĐẮC QUẬN HẢI, XÃ VĨNH NINH
 HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH



ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
 CÔNG TY TNHH TVKT QUẢNG BÌNH

ĐC: TT. HOÀN LẠO, BỐ TRẠCH, QUẢNG BÌNH
 ĐT: 082.5700657; FAX: 082.5700057

P. GIÁM ĐỐC	TRẦN ANH TUẤN	
CHK. TRƯỚC	NGUYỄN BÌNH BỨC	
CHK. CẦU	HOÀNG TRỌNG HIẾU	
THIẾT KẾ	DƯƠNG MẠNH HỒNG	

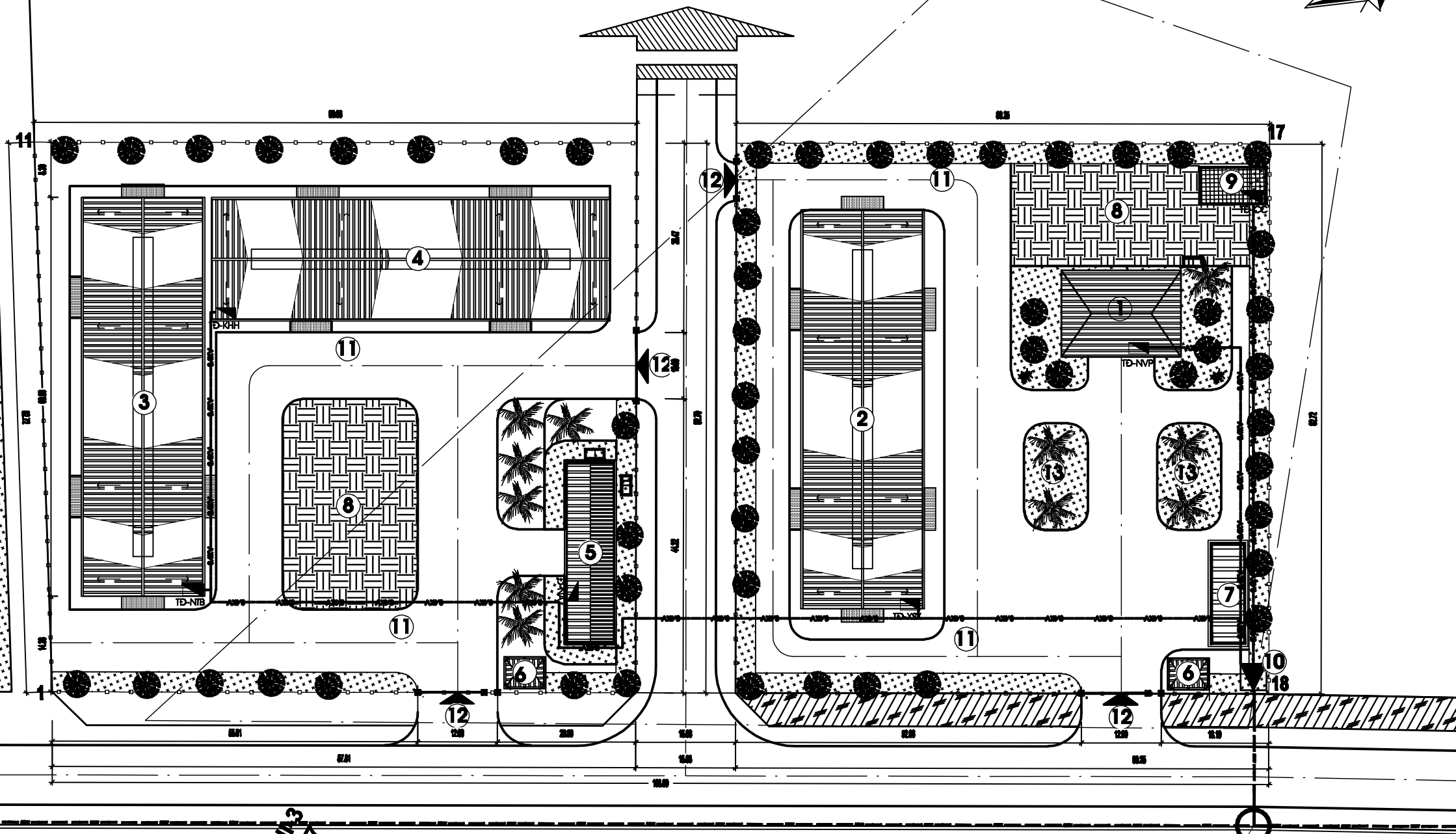
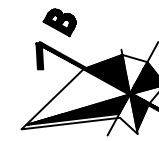
GIẢI ĐOẠN THỰC HIỆN

HỒ SƠ BÁO CÁO NCKT

TÊN BẢN VẼ:
MẶT BẰNG TỔNG THỂ CẤP NƯỚC SINH HOẠT

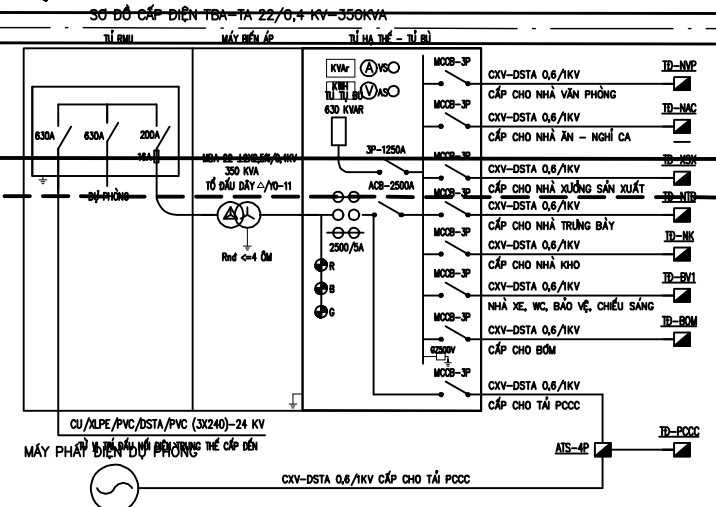
TỶ LỆ	NGÀY	HĐ. SỐ	BẢN VẼ
1/1	2022		TT: 05
AS			

NHÀ MÁY SẢN XUẤT CHẾ TÁC ĐÁ TỰ NHIÊN GIA HOÀNG KHANG MẶT BẰNG TỔNG THỂ CẤP ĐIỆN



DANH SÁCH
7.5.87

VỊ TRÍ ĐẦU NỐI
CẤP ĐIỆN



- | | | | | |
|----------|--------|---------|--------------------------------|--------|
| KW | (A) VS | MCCB-3P | CXY-DSTA 0,6/1KV | ID-NVP |
| 630 KVAR | (A) VS | MCCB-3P | CẤP CHO NHÀ VĂN PHÒNG | ID-NHC |
| | | MCCB-3P | CXY-DSTA 0,6/1KV | ID-NHC |
| | | MCCB-3P | CẤP CHO NHÀ AN - NGHỈ CA | ID-NHC |
| | | MCCB-3P | CXY-DSTA 0,6/1KV | ID-NHC |
| | | MCCB-3P | CẤP CHO NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT | ID-NHC |
| | | MCCB-3P | CXY-DSTA 0,6/1KV | ID-NHC |
| | | MCCB-3P | CẤP CHO NHÀ TRƯNG BÀY | ID-NHC |
| | | MCCB-3P | CXY-DSTA 0,6/1KV | ID-NHC |
| | | MCCB-3P | CẤP CHO NHÀ KHU | ID-NHC |
| | | MCCB-3P | CXY-DSTA 0,6/1KV | ID-NHC |
| | | MCCB-3P | NHÀ XE, WC, BẢO VỆ, CHIẾU SÁNG | ID-NHC |
| | | MCCB-3P | CXY-DSTA 0,6/1KV | ID-NHC |
| | | MCCB-3P | CẤP CHO BƠM | ID-NHC |
| | | MCCB-3P | CXY-DSTA 0,6/1KV | ID-NHC |
| | | MCCB-3P | CẤP CHO TÀI PCCC | ID-NHC |

CHỈ CHỮ:

- NGUỒN ĐIỆN CẤP CHO CÔNG TRÌNH ĐƯỢC LẤY TỪ ĐƯỜNG DÂY 22KV TRÊN TUYẾN ĐƯỜNG NỘI VÙNG QH 47.5M.
- LẮP MỘT TRẠM BIẾN ÁP TBA (TRẠM TREO) (VỊ TRÍ XEM BẢN VẼ) ĐỂ CUNG CẤP ĐIỆN CHO CÔNG TRÌNH VÀ THIẾT BỊ TRONG KHU VỰC QUY HOẠCH.
- ĐIỆN TỬ TRẠM BIẾN ÁP ĐẾN CÔNG TRÌNH DÙNG CẤP BỌC ĐỂ ĐẢM BẢO AN TOÀN, CHẠY NGẤM HOẶC BẤM THEO CÁC CÔNG TRÌNH.
- LẮP ĐẶT CÁC HỆ THỐNG ĐÈN CHIẾU SÁNG VÀ TẠO CẢNH QUAN CHO KHU VỰC.

CÔNG TY QUẢN LÝ HẠ TẦNG:

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH GIA HOÀNG KHANG

ĐC: SỐ 50A, LINH GIANG, PHƯỜNG HẢI THÀNH
TP ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

CÔNG TRÌNH
NHÀ MÁY SX CHẾ TÁC ĐÁ TỰ NHIÊN

HẠNG MỤC:
THỎA THUẬN ĐẦU NỐI

ĐỊA ĐIỂM
KCN TÂY ĐẮC QUẢN HẢI, XÃ VĨNH NINH
HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH



ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
CÔNG TY TNHH TVKT QUẢNG BÌNH

ĐC: T. HOÀN LÃO, BỐ TRẠCH, QUẢNG BÌNH
ĐT: 082.570057; FAX: 082.570057

P. GIÁM ĐỐC	TRẦN ANH TUẤN	
CTK. TRƯC	NGUYỄN BÌNH ĐỨC	
CTK. CẦU	HOÀNG TRỌNG HIẾU	
THIẾT KẾ	DƯƠNG MẠNH HỒNG	

GIẢI ĐOẠN THỰC HIỆN

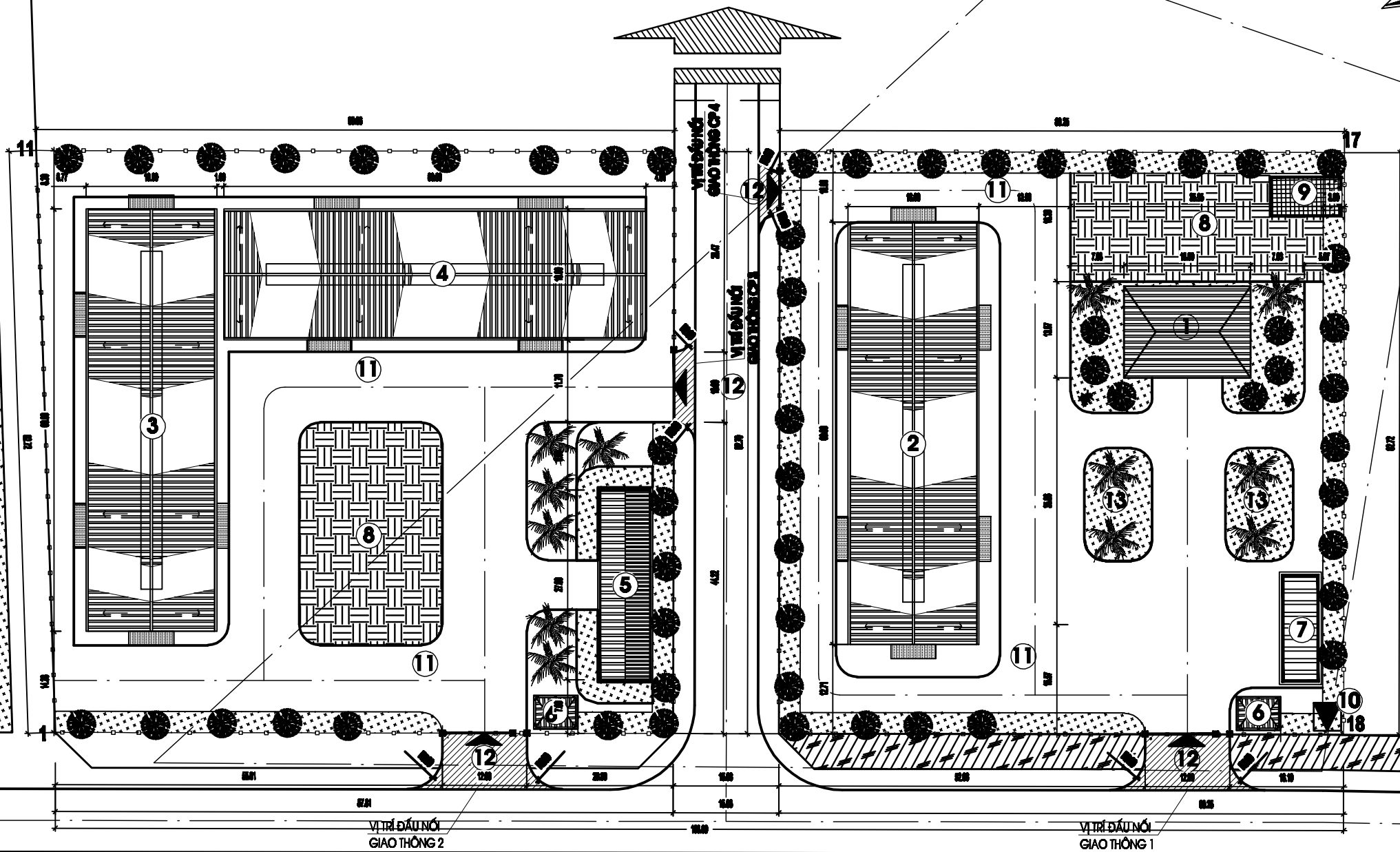
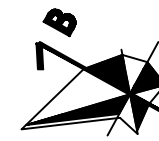
HỒ SƠ BẢO CÁO NCKT

TÊN BẢN VẼ:
MẶT BẰNG TỔNG THỂ CẤP ĐIỆN


TỶ LỆ	NGÀY	HD. SỐ	BẢN VẼ
1/1	2022		TR. 08


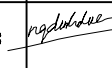
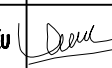
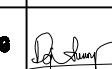
NHÀ MÁY SẢN XUẤT CHẾ TÁC ĐÁ TỰ NHIÊN GIA HOÀNG KHANG

MẶT BẰNG TỔNG THỂ ĐẦU NỐI GIAO THÔNG



D01/A3
7.587

CÔNG TY QUẢN LÝ HẠ TẦNG:	
CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY TNHH GIA HOÀNG KHANG	
ĐC: SỐ 50A, LINH GIANG, PHƯỜNG HẢI THÀNH TP ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH	
CÔNG TRÌNH NHÀ MÁY SX CHẾ TÁC ĐÁ TỰ NHIÊN	
HẠNG MỤC: THỎA THUẬN ĐẦU NỐI	
ĐỊA ĐIỂM KCN TÂY ĐẮC QUẢN HẢI, XÃ VĨNH NINH HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH	
 ĐƠN VỊ THIẾT KẾ CÔNG TY TNHH TVKT QUẢNG BÌNH	
ĐC: T. K. HOÀN LẠO, BỐ TRẠCH, QUẢNG BÌNH ĐT: 082.5700157; FAX: 082.5700157	

P. GIÁM ĐỐC	TRẦN ANH TUẤN	
CHK. TRÚC	NGUYỄN ĐÌNH ĐỨC	
CHK. CẦU	HOÀNG TRỌNG HIẾU	
THIẾT KẾ	DƯƠNG MẠNH HỒNG	

GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN HỒ SƠ BÁO CÁO NCKT			
TÊN BẢN VẼ: MẶT BẰNG TỔNG THỂ ĐẦU NỐI GIAO THÔNG			
TỶ LỆ	NGÀY	HĐ. SỐ	BẢN VẼ
1/1	2022		TR: 07

MẶT CẮT PHÂN LỚP NỐI GIAO THÔNG

- BÊ TÔNG DÀY 200, M300#
- LỚP GIẤY DẦU LÓT BÊ TÔNG
- LỚP CẤP PHỐI ĐÁ DẦM LOẠI II DÀY 300
- ĐẤT CẤP PHỐI ĐỐI ĐẮM CHẶT K98
- ĐẤT TỰ NHIÊN

